

ĐẠI THỪA NGHĨA CHUÔNG**QUYỂN 18****TỊNH PHÁP TỰ TRONG QUẢ PHÁP**

Có mười tám môn

- Quyển này có hai môn:

- 1- Nghĩa Đại Bát Niết Bàn.
- 2- Nghĩa Vô Thượng Bồ Đề.

1. NGHĨA NIẾT BÀN. Có năm môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Phần hạn của diệt.
- 3- Nói về thể.
- 4- Nói về tướng khai hợp.
- 5- Phân biệt nghĩa tạp.

1. Giải thích tên gọi:

Niết-bàn là tiếng Phạm. Nói đủ là Ma-ha Bát-niết-bàn-na.

- Ma-ha Hán dịch là Đại. Đại có sáu nghĩa:

1. Nghĩa Thường: Kinh Niết-bàn (Bản Bắc quyển 3, Bản Nam quyển 3) nói: Đại là Thường. Ví như có người tuổi thọ vô lượng gọi là Đại tượng phu.

2. Nghĩa rộng: Kinh Niết-bàn (Bản Bắc quyển 5) nói: Đại là tánh rộng lớn, ví như hư không, không đâu chẳng đến. Niết-bàn cũng như thế cho nên gọi là Rộng.

3. Nghĩa nhiều: Đức chia chẳng phải một, nên Kinh Niết-bàn nói: Ví như kho lớn có nhiều châu báu quý giá. Niết-bàn cũng thế, có nhiều loại châu báu pháp mầu, nên gọi là Đại.

4. Nghĩa sâu: Kín đáo khó lường, nên Kinh Niết-bàn (Bản Nam quyển 21) nói: Đại là không thể nghĩ bàn. Tất cả thế gian, Thanh văn, Duyên giác không thể so lường nghĩa Niết-bàn nên gọi là Đại.

5. Nghĩa cao: Phần vị cao vượt, người khác không đến được. Nên

Kinh Niết-bàn chép: Ví như núi lớn tất cả người đời không thể lên được, nên gọi là Đại. Niết-bàn cũng thế, Phạm phu, Nhị thừa và các Bồ-tát không thể đến tột, nên gọi là Đại.

6. Nghĩa thắng: Như người hơn hết trong thế gian gọi là Đại nhân. Niết-bàn cũng thế, hơn hết trong các pháp, nên gọi là Đại.

Nghĩa Đại như thế.

Đại là gì? Đại có ba loại

- Thể đại: Niết-bàn tánh tịnh, thể tột chân tánh, nghĩa đầy pháp giới.

- Tướng đại: Phương tiện Niết-bàn không đâu không trọn, đức không đâu không đủ.

- Dụng đại: Ứng hóa Niết-bàn diệu dụng rộng lớn, hóa hiện vô tận. Nên Kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 4) nói: Đại Bát-niết-bàn có thể kiến lập nghĩa Đại. Nghĩa là dụng.

Bát: Hán dịch là nhập, nghĩa nhập có ba:

- Y theo thật để nói về nhập: Dứt vọng về chân, từ nhân hưởng quả.

- Chân ứng đối nhau: Dứt hóa về chân nên gọi là Nhập.

- Chỉ theo ứng hiện: Xả lỗi hữu vi hưởng nhập vô vi, gọi là Nhập.

Niết-bàn: Người giải thích có nhiều cách.

1. Có chỗ giải thích rằng: Danh từ Niết-bàn chẳng phải tiếng Phạm, chẳng phải tiếng Hán mà là lời Phật. Nếu nói lời Phật thì tất cả đều đúng, đâu riêng Niết-bàn. Nên Kinh Niết-bàn (quyển 8) nói: Các thứ dị luận, văn chương, chú thuật đều là lời Phật. Tuy là lời Phật nhưng không lia tiếng địa phương, nếu lia tiếng địa phương thì Phật không nói. Thể của Niết-bàn không phải danh tự nên không phải âm thanh.

2. Có chỗ lại nói: Niết-bàn là tiếng Phạm, gọi gồm muôn đức. Xứ này không có từ để dịch, nên giữ gốc Phạm nói là Niết-bàn. Thể của Niết-bàn thật đủ muôn đức, nhưng danh từ Niết-bàn không phải trọn muôn đức. Nếu danh từ Niết-bàn trọn hết muôn đức, thế thì khi nói về muôn đức không nên tùy đức mà đặt thêm tên gọi. Muốn nói nghĩa Thường, lại lập tên Thường, để gọi nghĩa đó. Tất cả như thế, biết rõ tên Niết-bàn không trọn đức.

Lại tên gọi Niết-bàn là gồm muôn đức, xứ này lại dùng tên chung muôn đức để dịch Niết-bàn kia. Vì sao không được mà nói không thể dịch?

Lại, Kinh Niết-bàn (quyển 1) nói: “Tùy loại âm thanh bảo khắp

chúng sinh: Ngày nay Như Lai sắp Niết-bàn”, tùy loại khác nhau mà nói, vì sao không thể dịch?

3. Nếu dịch đúng gọi là Diệt. Theo nghĩa dịch thêm có các thứ tên. Hoặc gọi là Bất sinh, hoặc gọi Bất xuất, hoặc gọi là Vô tác, hoặc gọi là Vô khởi, hoặc gọi Vô vi, hoặc gọi Vô tướng, hoặc gọi là Bất nhiên (đốt), hoặc gọi là Bất thức, hoặc gọi là Tịch diệt, hoặc gọi là An ổn, hoặc gọi là Giải thoát, hoặc gọi là Bỏ nặng. Các thứ như thế đều như kinh nói.

Vì sao biết được là riêng không phải chung (gồm)?

Nay hãy dùng bốn nghĩa để xét.

Y theo xưa để tìm: Như Lai xưa trong các khế Kinh thường nói rằng phiền não diệt hết, thân mất trí tan là Niết-bàn. Ngày nay Niết-bàn nói không khác xưa, sao vội cho là chung?

Y chung cuộc để xét: Như Lai sắp diệt độ, lớn tiếng báo khắp: Hôm nay Như Lai sắp nhập Niết-bàn. Lúc ấy, các chúng sinh nghe nói Phật Niết-bàn đều buồn khổ đến chỗ Phật, thỉnh Phật an trụ lại thế gian. Nếu như Niết-bàn gọi gồm muôn đức, thế thì Phật nêu bày muôn đức dạy người, chúng sinh nên vui, vì sao bị nỗi đến thỉnh Phật trụ lại thế gian? Nghe Phật Niết-bàn bị nỗi đến thỉnh Phật trụ lại thế gian thì biết Niết-bàn là diệt, không phải chung.

Chuẩn định phương ngôn: Người Ấn Độ thấy người chết mất (diệt) đều gọi là Mồ giáp Niết-bàn. Người đời chết đâu có đức gì đáng gồm, cũng gọi Niết-bàn. Người đời chết gọi là Niết-bàn, nên biết Niết-bàn là diệt, chẳng phải chung.

Dùng văn làm chứng: Như trong kinh Niết-bàn Phật khen Thuần-đà: “Lành thay! Lành thay! Có thể biết Như Lai thị hiện giống như chúng sinh, phương tiện Niết-bàn”. Chúng sinh không hề có muôn đức Niết-bàn kia. Như Lai thị hiện đồng, là đây nói Như Lai đồng sự tận diệt như thế gian, gọi là Đồng Niết-bàn, thì biết Niết-bàn là diệt, chẳng phải chung.

Lại, Kinh Pháp Hoa nói: Phật Nhật Nguyệt Đăng nói Kinh Pháp Hoa xong, vào cuối đêm nhập Niết-bàn. Văn sau trùng tụng: “Phật đêm đó Niết-bàn, như củi hết lửa tắt.” Trong văn xuôi nói là Niết-bàn, kệ lại nói Diệt độ, thì biết Niết-bàn là diệt chẳng phải chung.

Hỏi: Nếu Niết-bàn là diệt, vì sao kinh nói (Kinh Niết-bàn, quyển 31): Lửa các kiết tất gọi là Diệt độ, lửa giác quán nên gọi là Niết-bàn?

Đáp: Ở Ấn Độ, diệt có nhiều tên, lược có ba tên khác nhau:

Niết-bàn dịch là Diệt.

Di-lưu-đà, Hán cũng dịch là Diệt.

Tỳ-ni, Hán cũng dịch là Diệt.

Giống như Bồ-đề Mạt-già là tiếng Phạm, Hán dịch chung là Đạo. Phạm nói diệt có nhiều tên. Nên lửa của các kiết diệt là Di-lưu-đà, là các giác quán gọi là Niết-bàn. Di-lưu-đà trong Kinh Niết-bàn, Hán dịch là diệt, còn diệt của Niết-bàn thì vẫn giữ tiếng Phạm, dường như là khác. nếu dịch đủ thì xứ này tên ít. Di-lưu-đà Hán dịch là Diệt, trong đó Niết-bàn Hán cũng dịch là Diệt, cho nên được nói rằng Niết-bàn của tiếng Phạm, Hán dịch là Diệt. Vì diệt phiền não, diệt sinh tử nên gọi là Diệt; vì là các tướng, vắng lặng hoàn toàn nên cũng gọi là Diệt.

- Na: Dịch là Dừng, rốt ráo giải thoát, dứt hẳn sống, dừng những việc gì? Dừng phiền não, dừng sinh tử. Lại dừng tất cả việc đã làm. Kinh Niết-bàn nói: Tuy được thiền định, trí tuệ, giải thoát không gọi là rốt ráo. Nếu dứt trừ việc làm của ba mươi bảy phẩm mới được gọi là rốt ráo Niết-bàn. Vì dứt việc làm của ba mươi bảy phẩm như thế, nên cũng dịch là Dừng.

Danh nghĩa như thế.

2. Phạm vi của diệt:

Phạm vi có bốn:

1. Sự diệt: Dứt nhân sinh tử, diệt quả sinh tử, gọi là Niết-bàn.

2. Năng diệt: chư Phật Niết-bàn tròn đủ muôn đức, tuy có muôn đức mà vắng lặng là tướng, gọi là Diệt. Lại nữa, là tánh cũng gọi là Diệt.

Là tướng như văn sau nói, ví như tâm thức của tất cả chúng sinh, thể tuy là có mà không một tướng. Cũng như đề hồ thể tuy là có mà không một tướng xanh, vàng, đỏ trắng v.v... Niết-bàn cũng như vậy, thể tuy thật có mà không một tướng, nên gọi là Diệt.

Không các tướng nào? Là không Tha tướng và không Tự tướng.

Không tha tướng: Như trong Kinh (Niết-bàn, quyển 31) nói: Là mười tướng gọi là Niết-bàn, là là tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc; tướng sinh, trụ, diệt; tướng nam, tướng nữ.

Là mười tướng trước và là tướng khổ, vui, không khổ vui. Lại, kinh còn nói: Trong Đại Niết-bàn không có mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, lạnh, nóng, gió, mưa, sinh, già, bệnh, chết, hai mươi lăm hữu và các thứ lo lắng, khổ não, những thứ này đều không có tha tướng.

Về không có tự tướng, Trong Kinh (niết-bàn, quyển 13) nói: Tuy có sắc thân mà không có sắc tướng. Tuy có giác mà không có tướng biết. Tuy có tất cả mà không có tất cả tướng, như kinh có nói đủ.

Lìa tánh: Các đức đồng thể do duyên khởi thành tướng, không có một pháp giữ tự tánh riêng, như theo các đức mà nói nghĩa Thường, là các đức không có tánh thường riêng. Ngã, Lạc, Tịnh suy ra cũng như thế.

Lại, theo Thường v.v... mà nói Pháp thân, là Thường v.v... không có thân tánh riêng.

Những thứ khác cũng vậy, nên kinh nói rằng: Lại không có tánh riêng nên thành Niết-bàn, do không phải riêng khác gọi là không có tánh riêng nên thành Niết-bàn.

Hỏi: Thế Niết-bàn đã là có, nói có là đúng, đâu cần nói diệt?

Diệt môn là giải nghĩa, theo chương diệt, đây là diệt của đức vắng lặng thứ hai.

3. Ứng diệt: Ứng diệt có hai:

Hiện tại dứt nhân hữu, dứt quả sinh tử gọi là Diệt.

Dứt hóa, về chân, dụng dứt gọi là Diệt.

4. Lý diệt: Như trong Kinh nói Một Khổ Diệt Đế: Tất cả chúng là tướng của Niết-bàn Lý diệt, như thế v.v... có hai:

- Tướng luống dối: Tất cả các pháp do tình khởi, tướng có mà thể không, gọi là Diệt. Đây là không Như Lai Tạng trong kinh.

- Chân không: Chân Như Lai Tạng là tướng, là tánh, gọi là Diệt.

- Nói lìa tướng: Như ngài Mã Minh nói là chẳng phải có tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải chẳng có tướng, chẳng phải, chẳng vô tướng, chẳng phải hữu vô đều là tướng, chẳng phải tướng khác, chẳng phải chẳng một tướng, chẳng phải chẳng tướng khác, chẳng phải tướng một khác đều là tướng, chẳng phải tự tướng, chẳng phải tha tướng, chẳng phải tự tha đều là tướng. Tất cả vọng tâm phân biệt như thế đều không tương ứng chỉ có chứng cảnh giới.

Lìa tánh: Trong Như Lai Tạng có Phật pháp nhiều hơn cát của tất cả sông hằng. Pháp của các Đức Phật này đồng một thể tánh, do duyên khởi thành tướng, không lìa, không dứt, không thoát không khác. Do đồng thể nên không có một pháp giữ tự tánh riêng. Tuy không một tánh mà chẳng gì không có tánh. Không có một tánh là pháp giới như; mà chẳng có gì không tánh là pháp giới khác nhau. nay nói như thế, cho đó là Diệt.

Bốn diệt như thế.

Bốn diệt này so với nhau cũng có gốc, ngọn. Lý Diệt là gốc. Do thấy cái diệt của tướng không trong lý, thành sự diệt trước, vì ngộ lý bỏ

tình, lia sinh tử. do chứng được cái diệt của chân không trong lý, thành đức diệt trước; như chân pháp kia lia tánh tướng. Nương đức khởi dụng nên có Ứng diệt. Trong bốn loại này là theo chia tướng mà nói: Nói ba loại trước là Niết-bàn. Nói theo nhiếp tướng thì: Bốn diệt đều là môn Niết-bàn vì nhiếp chung các nghĩa thành Niết-bàn.

Phần hạn như thế.

3. Nói về thể tánh

Trong thể Niết-bàn, đức chia vô lượng. Tóm lại chỉ có ba:

1- Pháp Sắc, 2- Pháp Tâm, 3- Pháp Phi sắc tâm.

1. *Pháp Sắc*: Như Kinh Niết-bàn nói: Diệt sắc vô thường được sắc Thường. Lìa sắc khổ được sắc vui. Cho đến diệt sắc chẳng vắng lặng được sắc vắng lặng chân thật, nên biết Niết-bàn dùng sắc làm thể.

Lại, Kinh Niết-bàn nói bất không là có thiện sắc Thường, lạc, ngã, tịnh. Lại, trong Kinh Niết-bàn nói Đại Niết-bàn là giải thoát. Ngài Ca-diếp bạch Phật: “Giải thoát như thế là sắc hay chẳng phải sắc?”. Phật nói: “Giải thoát của Nhị thừa là chẳng phải sắc. Giải thoát của Phật Như Lai là sắc”. Lấy đây xét tìm thì biết rõ thể tánh Niết-bàn là Sắc.

Lại như trong kinh Niết-bàn (loại sáu quyển) chép: Thuần Đà khen Phật: “Diệu sắc lắng yên thường an ổn, không theo thời tiết, kiếp số dời đổi? Đại Thánh nhiều kiếp hành từ bi, được thân Kim cang chẳng hoại”. Nên biết là Sắc.

Lại trong kinh Thắng-man khen sắc thân Phật, thế gian không gì bằng. Lại khen Như Lai diệu sắc vô tận, biết rõ là sắc.

Sắc tướng như thế nào?

Phật có ba thân: 1- Ứng thân. 2- Báo thân. 3- Pháp thân. Trong ba thân này đều có sắc.

a. Sắc ứng thân: Hiện hóa tùy vật, hoặc có lúc giống trời, hoặc lại giống người. Tất cả như thế tùy chỗ hiện đồng với sắc tướng của thế gian. Cho nên cũng gọi là Cọng thế gian thân.

b. Sắc báo thân: Ở chỗ mỗi tướng ứng thân kia đều có vô lượng tướng tốt nhiều như cát bụi. Như phẩm Tướng Hải trong Kinh Hoa nghiêm nói: Tuy có đủ các tướng mà không thể thấy, như hạt ngọc báu trên đỉnh đầu của Phạm Thiên có mà không thể thấy. Tuy không thể thấy mà thật có. Tên gọi khác nhau, tạo nghiệp mỗi khác, như Kinh Hoa Nghiêm nói.

c. Sắc Pháp thân: Trong Như Lai Tạng, sắc tánh pháp môn hiển thành Phật thể. Thể tuy là sắc mà không có sắc tướng. Giống như giới pháp vô tác của tỳ kheo. Cũng như các pháp âm dương, ngũ hành v.v...

Tuy không có sắc tướng mà có sắc tánh. Chư Phật chứng được thành tựu pháp giới. Các căn tướng tốt tức là Pháp thân. Lại, Trong pháp này sinh ra pháp giới vô tận sắc, nên gọi là Tượng sắc pháp.

Có người nói rằng: Niết-bàn không sắc chỉ một linh trí, đặt ra sắc là ứng chẳng phải chân. Vì sao chẳng phải sắc? Vì sắc có tánh chất ngại, vì thế không có. Nếu sắc chất ngại, hoàn toàn Phật không có, tâm là pháp phan duyên nghĩ biết Phật lẽ ra cũng không. Phật không có tâm duyên mà có tâm giác tri vô duyên, thì lẽ ra sắc cũng như thế. Phật không có sắc ngại mà có sắc vô ngại tự tại, vì sao không được?

Người lại vặn hỏi: Ngại nên gọi là Sắc, thân Phật không ngại, sao gọi là Sắc?

Đây cần vặn hỏi lại: Duyên nghĩa là tâm. Trí Phật không duyên, sao được gọi là Tâm?

Người lại giải thích: không duyên mà chiếu nên được gọi là Tâm.

Đây nên so sánh mà biết, vô ngại là thân, vô ngại là hình vì sao không phải sắc? Lại tuy không ngại mà có ánh sáng, các căn tướng tốt, đâu được chẳng phải sắc. Lại, nếu không ngại tức hoàn toàn không có sắc. Nếu nói có sắc thì khiến ngại. Đây nên đáp lại: Như Lai không duyên lẽ ra là si, lẽ ra là vô tri. Phật nếu có biết tức là phan duyên, như thế được không? Đây đã chẳng được thì kia cũng thế, đâu có gì phải nghi?

Lại nếu nói rằng sắc đều là ứng, đều không chân thật. Đây nên vặn hỏi lại: Chỗ chân thật, tình mất. Có giác, có tri lẽ ra đều là ứng. Cái biết của ứng hóa từ chân tri mà sinh, trong chân lập tri. Sắc của Ứng hóa từ chân sắc mà khởi, trong chân giữ sắc, vậy có ngại gì?

Lại Kinh (Niết-bàn Bản Nam, quyển 35) nói: Diệt sắc vô thường. Vì sao là Ứng? Kinh lại nói: Thiện sắc chân thật Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vì sao là Ứng? Lại Kinh khen Phật: “Diệu sắc lặng yên thường an ổn, không theo thời tiết, kiếp số đời đời: Đại Thánh nhiều kiếp thực hành từ bi, nên được thân Kim cang bất hoại”. Vì sao gọi là Ứng?

Lại trong Địa Kinh nói: Tướng tốt của Phật là thật báo thân. Vì sao là Ứng? Lại nếu tướng tốt đều là Ứng thì trong kinh nói nghiệp của tướng tốt lẽ ra là Ứng tu, chẳng phải thật tu, tu đắc là quả thật sao chẳng phải chân?

Người lại giải thích: Diệt sắc vô thường được sắc Thường v.v... Đây thật là tâm. Nghĩa tâm Pháp hiển hiện là sắc.

Ở đây nên hỏi lại: Nếu nghĩa tâm hiển hiện nói là sắc, thật thì

không phải sắc. Nghĩa sắc pháp không hiển nói là tâm, thật lẽ ra vô tâm. Lại nếu nghĩa tâm hiện nói là sắc, họ cũng nên nói nghĩa sắc quang chiếu sáng là tâm. Phật thật không có tâm, sắc quang chiếu sáng, không được gọi là Tâm thì tâm pháp hiển hiện đâu được gọi là Sắc. Lấy đây xét tìm, Phật thật có sắc, không được nói không có sắc. Nghĩa sắc như thế.

2. *Nói về nghĩa tâm*: Trong kinh nói: “Diệt thức vô thường được thức thường. Thọ, tưởng, hành cũng giống như thế”. Biết rõ Niết-bàn lấy tâm làm thể, lại nói: “Kia nếu thành đại Niết-bàn”. Thì biết rõ Niết-bàn dùng tâm làm thể.

Tướng tâm thế nào?

Như trong chương Tám Thức ở Trước đã nói đầy đủ, nay nói lược, tâm có ba thứ:

- Sự thức: Sáu thức tâm, hướng ra ngoài để duyên.

- Vọng thức: Thức tâm thứ bảy. Trong mê chân tâm vọng giữ cảnh giới do tự tâm khởi, như người ngủ say mê lấp sự thật, vọng chấp cảnh giới tự tâm khởi.

- Chân thức: Thức tâm thứ tám. Trong Như Lai Tạng có các pháp duyên khởi nhiều khởi nhiều hơn số cát sông Hằng nhóm thành việc giác biết tâm. Vì chân tâm này có tánh giác biết, hợp với vô minh liền khởi vọng biết, dừng bỏ vô minh thì thành chánh tri. Như người nếu báo tâm hợp với ngủ mê liền khởi cái biết mộng寐, dứt trừ ngủ mê thì thành cái biết tỉnh thức. Chân tâm thị giác gọi là Nhất thiết chủng đức. Nay ở đây nói theo môn Niết-bàn, nên nói tâm này là Niết-bàn.

Hai tâm vọng thức và sự thức có tình mà không có thể. Chưa xét thì dường như có, nghiên cứu thì nó mất, chẳng thành Niết-bàn, kinh Lăng Già (quyển 2) nói:

Vọng tưởng, tuệ sở tri.

Kia diệt ta Niết-bàn.

Kinh ấy lại nói: “Diệt bảy loại thức, chỉ có Tàng thức.” Chỉ còn Tàng thức nên tâm chân thức đặc Niết-bàn; chẳng phải sáu thức, chẳng phải thức thứ bảy. Có luận khác như trong chương Tám thức ở trước có phá rộng.

Hỏi: Chân tâm là tri chẳng phải diệt, vì sao được nói là Niết-bàn?

Đáp: Tâm này thể là tánh biết mà không phân biệt, vì không phân biệt nên chiếu mà thường tịch, là tánh biết nên tịch mà hằng chiếu nên có công năng diệt trừ si ám, vì thường tịch nên có công năng diệt vọng

tướng, si vọng đã trừ lại không còn theo duyên nhóm khởi sinh tử nữa. vì không khởi nên vô vi thể vắng lặng gọi là Niết-bàn.

Tâm pháp như thế.

3. *Nói về chẳng phải sắc chẳng phải tâm*: Như trong kinh nói: Bồ-đề không thể dùng thân mà được, dùng tâm mà được, Niết-bàn cũng vậy nên chẳng phải sắc, tâm.

Tướng trạng thế nào?

Có hai loại:

Sắc diệt vô vi: Dứt lia tất cả sắc tâm v.v... gọi là chẳng phải sắc tâm. Như Kinh Niết-bàn (Bản Nam, quyển 35) nói: Diệt sắc vô thường gọi là chẳng phải sắc, diệt thọ, tưởng, hành, thức vô thường gọi là chẳng phải tâm". Tất cả như thế.

Lại như phẩm Phạm Hạnh trong kinh Niết-bàn chép: Nhập vào Đại Niết-bàn không có sắc gọi là chẳng phải sắc. Lại không có các đại, ấm, giới, nhập v.v... cũng gọi là chẳng phải sắc. Ý diệt, thức mất, tâm cũng lặng gọi là chẳng phải tâm.

Chân pháp thế như: Sắc tức chẳng phải sắc, tâm tức chẳng phải tâm, gọi là chẳng phải sắc tâm. Như trong Kinh nói: Đại Bát-niết-bàn thật chẳng phải sắc, theo thế gian mà nói có. Lại trong kinh nói: Bồ-đề Niết-bàn tất cả đều không. Lại Địa Kinh nói: Tự thể vốn không, trí tự không v.v..., đều là nghĩa chân thật, chẳng phải sắc tâm. Kia vì sao không? Vì nghĩa như trên đã giải thích về lia tướng, lia tánh.

(1) *Lìa tướng*: Phật tuy có sắc mà không có sắc tướng. Như cõi vô sắc tuy là sắc mà không hình tướng. Phật tuy có tâm mà không hình tướng. Như gương chiếu vật mà không có tướng phân biệt.

(2) *Lìa tánh*: Trong Đại Niết-bàn, các đức đồng thể duyên khởi thành tướng; không có một đức nào giữ riêng tự tánh, nên gọi là Không. Vì là không nên sắc không có sắc tánh gọi là chẳng phải sắc, tâm không có tâm tánh gọi là chẳng phải tâm.

Hỏi: Nếu đây đều không tự tánh tức là tự tánh không thành, đâu có gì khác với pháp sinh tử?

Đáp: Nghĩa duyên khởi vô tánh, không; lý sinh tử, Niết-bàn bình đẳng, cho nên trong kinh nói: Sinh tử không cho đến Niết-bàn; sinh tử vô ngã, cho đến Niết-bàn.

Chỗ khác nhau là pháp sinh tử hoàn toàn vô thường vì tánh tướng của nó đều vô thường nên sinh diệt trôi lăn gọi là tướng vô thường; nhóm hợp lũng đối không có tánh gọi là Tánh vô thường. Thể của Niết-bàn cũng thường và vô thường mà không phải hoàn toàn. Nên Kinh Niết-

bàn trong đức đầu tiên nói: Niết-bàn chẳng phải Thường chẳng phải vô thường, nghĩa này thế nào? Trong Đại Niết-bàn muôn đức đồng thể, chia tướng để nói thì mỗi đức giữ tự tướng, vô vi bất động nên chẳng phải vô thường; nhiếp tướng mà luận thì làm thành tướng lẫn nhau, tướng thành chẳng hoại, cũng không phải vô thường. Không phải vô thường nên Kinh nói là Thường, dùng riêng chia chung thì tướng chung chẳng lập. Vì không lập nên chẳng có tánh Không, Thường. Chẳng có tánh thường nên gọi là Vô thường, thể tánh Niết-bàn lý định như thế.

Có người nói rằng: Một khổ diệt để hiển thành Niết-bàn. Khổ diệt chỉ là không, hiển lý không này để thành Niết-bàn, cho nên Niết-bàn chỉ là không, không sắc không tâm.

Cái không của ngoại đạo này không nên thọ trì. Nếu nói khổ diệt chỉ là không thì Phật tự đáp phá như trong chương bốn Đế của Kinh Niết-bàn nói: Người tu khổ diệt, trái với tất cả ngoại đạo. Nếu nói pháp không là khổ diệt để thì các ngoại đạo đều tu không, lẽ ra nên có chân đế.

Lại, nếu nói rằng vô ngã vắng lặng là Như Lai Tạng, nên biết người này ở lâu trong sinh tử, chịu khổ mãi không được giải thoát.

Nếu có người nói rằng: “Có Như Lai Tạng, tuy không thể thấy mà phá phiền não rồi, chắc chắn được.” Nếu phát tâm này một niệm nhân duyên đối với các pháp được tự tại. Lấy đây nghiệm tìm, biết rõ khổ diệt chẳng phải chỉ là không. Như kinh Thắng-man nói: Một khổ diệt để là Như Lai Tạng. Trong Như Lai Tạng có Phật pháp nhiều hơn số cát của tất cả sông Hằng, gọi là Bất không tàng, làm sao chỉ là không được?

Nếu nói Niết-bàn hoàn toàn không thì Kinh nói Niết-bàn Thường Lạc Ngã Tịnh, chân thật, thiện hữu, đâu thể nói là không?

Lại kinh nói Không là tất cả sinh tử, nói Bất Không là Đại Niết-bàn, lại kinh nói rằng: Giết không thì được thật, giết vô thường rồi được Niết-bàn Thường, vì sao là không?

Lại, Kinh Niết-bàn trong đức thứ bảy, bảy pháp tướng khác, không và Niết-bàn nghĩa môn khác nhau, đâu được chỉ là không? Lại nếu là không thì trời Vô Tướng dụ cho vô tướng thật có, thật sự có trạng thái ra sao?

Kinh lại nói rằng: Đại Bất-niết-bàn dựng lập nghĩa Đại có nhiều thứ thị hiện. Nếu chỉ là không thì nương vào đâu khởi nghĩa?

Lại nữa, Kinh nói: “Ông chớ nên nói diệt là pháp tánh” nếu pháp tánh không diệt, đâu được chỉ là không?

Có người lại nói: Như Lai Tạng tánh lấy sắc tâm làm thể, đều chẳng có nghĩa không. Lại nói không tức vô tướng gọi là Không. Tạng tánh đã vậy, hiển bày thành Niết-bàn. Niết-bàn chỉ là một bề bất-không. Nói rằng không là không, chẳng có muôn tướng, chẳng phải Niết-bàn không.

Đây cũng là cái có của ngoại đạo, chẳng nên chấp nhận.

Nếu nói Tạng tánh thật chẳng không, nghĩa này không đúng. Như Kinh Lăng Già nói: “Nương vào pháp vô ngã mà nói Như Lai Tạng” vì sao là bất không? Lại nữa, như Luận Khởi Tín nói: “Có người nghe nói trong Như Lai Tạng có đầy đủ tất cả pháp, liền nói sắc và tâm mỗi thứ có tự thể riêng. Đối trị với chấp này nên nói: Tất cả pháp đều nói theo chân như”. Như là tên khác của không, nương theo đó mà nói tất cả Phật pháp, vì sao là bất không? Lại như kinh nói: Trong Như Lai Tạng có Phật pháp nhiều hơn số cát của tất cả sông Hằng, chẳng lìa, chẳng dứt, chẳng thoát. Đã nói chẳng lìa thì rõ ràng không có tánh riêng. Pháp không có tánh riêng làm sao là bất không? Lại pháp đồng thể lẫn nhau mà thành tướng. Pháp tướng thành thì có chung, riêng. Nhiếp riêng thành chung thì các pháp có thể có. Dùng riêng chia chung, tướng chung chẳng lập, vì sao bất không? Nếu dùng riêng chia chung, nghĩa chung bất không thì dùng năm ấm chia sinh, sinh cũng phải bất không.

Tạng tánh như thế.

Nếu nói Niết-bàn thật có chẳng không, nghĩa này không đúng. Như trong kinh nói: Niết-bàn chẳng thật có, theo thế gian mà nói có. Niết-bàn chẳng thật có, làm sao bất không?

Lại Địa kinh nói: Tự thể vốn không gọi là Tánh tịnh, đồng tướng Niết-bàn, vì sao bất không?

Lại trong kinh nói: Bồ-đề Niết-bàn tất cả đều không. Vì sao thật có? Lại nếu Niết-bàn thật có chẳng không thì chấp giữ Niết-bàn là chánh kiến, không phải tà. Vì sao Phật phá mà nói không, vô ngã? Lại nếu Niết-bàn thật là thường, chẳng phải không thì người chấp Thường lẽ ra chẳng phải là bệnh. Nếu nói Niết-bàn là không, không có tướng vọng tình tâm chấp, nên gọi là Không mà thể Niết-bàn nhất định là bất không; đây đều trái với Kinh nói Niết-bàn chẳng phải có chẳng phải không. Cho nên có là có thể có tha (cái khác), nên gọi đó là có, thể lẽ ra không thật có.

Người liền chống chế rằng: Tôi nói không là: đã không có tha tướng thì, đâu có cái khác được?

Ở đây nên nêu lại: Trong Kinh (Thắng-man) nói rằng nương Như

Lại Tạng mà có sinh tử, nương Đại Niết-bàn có thể dựng lập nghĩa đại khởi các thứ giáo hóa, tức là có tha, nếu nói không là đã không có tha nên không được có tha, thế thì có đã có tha nên chẳng được không có tha, đây là một vấn đề thắc mắc lớn. Lại nếu không là hoàn toàn không tha mà thế chẳng phải không; thế thì có là hoàn toàn có tha mà thế chẳng thật có. Có tuy có tha mà chẳng ngại thế có, thế thì không tuy là không tha nhưng đâu ngại thế không. Nghiêng về có nghiêng về không là bệnh lớn trong Phật pháp, lý phải rộng phá.

Thế tánh như thế.

4. Nói về tướng khai hợp: Niết-bàn là quả mầu Viên tịch của chư Phật, thế cùng tột chân chánh, nghĩa đầy khắp cả pháp giới. Thế tột cùng chân tánh, danh tướng dứt bật, nghĩa đầy khắp cả pháp giới nên đức tánh đếm nhiều như cát bụi khó mà nói cho đúng được, cho nên trong kinh hoặc nói một, hai cho đến rất nhiều.

Nói là một: Nhiếp chung thành một đại Niết-bàn, thế gồm nhiều nghĩa, bao trùm đủ muôn vật.

Hoặc nói là hai. Hai có ba môn:

- Hữu dư, vô dư đối nhau nói hai.

- Tánh tịnh đối với phương tiện là hai.

- Chân và ứng khác nhau, đối nhau nói hai.

Trong môn đầu, trước giải thích tên, sau nói về tướng:

- Danh tự là Hữu dư và Vô dư, có hai giải thích:

Phân biệt theo đối: Chỗ phiền não hết gọi là Niết-bàn, đối với thân trí để lập hai bên, bậc Thánh vô học phiền não sạch rồi, nhìn về sau vẫn còn thân trí sót lại. Theo sau để phân biệt với trước, gọi trước là Niết-bàn hữu dư. Thân trí sạch rồi, nhìn về sau lại không còn sót thân trí; nhìn sau gọi trước, gọi trước là Niết-bàn Vô dư. Trong Luận Tỳ-đàm, chỗ nói hữu dư Niết-bàn vô dư chính là nghĩa này.

Phân biệt theo Niết-bàn so sánh nhau: Trong môn này, Niết-bàn có hai: Y theo đủ nhân quả sinh tử để nói. Nhân sinh tử hết là một Niết-bàn. Quả sinh tử mất là một Niết-bàn. Theo sau để phân biệt trước gọi là Hữu dư. Quả sinh diệt hết đã xong, so với sau lại còn Niết-bàn vô dư, nói là vô dư. Đối với nhân quả sinh tử đã vậy thì đối với phần dứt, biến dịch cũng như vậy, danh tự như thế.

Nói về tướng, có ba môn:

- Phân biệt theo Đại Tiểu đối nhau.

- Phân biệt theo Tiểu.

- Phân biệt theo Đại.

- *Phân biệt theo đại tiểu đối nhau*: Niết-bàn Tiểu thừa gọi là Niết-bàn Hữu dư, Đại thừa gọi là Vô dư. Nghĩa này như Kinh Thắng-man nói: Sinh tử có hai loại hữu vi và vô vi. Niết-bàn cũng có hai loại hữu dư và vô dư. Sinh tử phần đoạn gọi là Hữu vi, sinh tử biến dịch gọi là Vô vi. Hai loại này như trong hai sinh tử trước đã phân biệt rộng. Sinh tử hữu vi sạch hết, được Niết-bàn, gọi là Hữu dư. So sánh với sau, lại còn sót sinh tử nên cũng lại là Niết-bàn hữu dư. Chỗ sinh tử vô vi hết sạch, được Niết-bàn gọi là Vô dư. So với sau vì sinh tử vô dư nên lại cũng là Niết-bàn không còn dư sót.

- *Phân biệt theo Tiểu*: Tông chia khác nhau, mỗi nơi nói khác, có chỗ nói rằng: Trong luận Tỳ-đàm, phiền não diệt hết gọi là Hữu dư Niết-bàn, trên thân hiện báo, xa lìa duyên ràng buộc gọi là Niết-bàn vô dư.

Nghĩa này không đúng, phiền não của mình buộc về tất cả cảnh giới trong ngoài. Bạc Thánh lúc mới đắc quả, ràng buộc này đã dứt. Bấy giờ, không gọi là Niết-bàn Vô dư. Sau khi thân trí hiện tại diệt mất, mới nói là Niết-bàn vô dư.

Vì sao nói thân lìa duyên phược gọi là Vô dư ? Nếu đây không đúng thì thế nào mới đúng?

Trong Luận Tỳ-đàm, thể Niết-bàn là một, đối với khác nhau có được hai tên.

Thể một là ở trong tông này, phiền não nghiệp tự do đạo lực nên đáng lẽ khởi mà không khởi, sáu diệt vô vi là thể của Niết-bàn, thể này là một, đối với thân trí mà được hai tên. Thân trí chưa hết nên nói Niết-bàn trước là hữu dư, so về sau lại có dư sót thân trí. Thân trí hết rồi lại hướng về Niết-bàn trước đổi tên là vô dư, vì so với sau lại không có thân trí còn sót.

Hỏi: Chỗ thân trí hết sạch vì sao không gọi là Niết-bàn?

Đáp: Tông ấy, thân trí khởi lên đã qua mất là vô thường diệt, nên không phải Niết-bàn. Do dứt nhân nên quả sau không khởi là chẳng phải thường diệt nên chẳng phải Niết-bàn.

Nếu theo Luận Thành Thật, Niết-bàn có hai thể, nhân sinh tử dứt là một Niết-bàn. Quả sinh tử dứt là một Niết-bàn, nên có hai loại.

Hỏi: Vì sao trong Luận Tỳ-đàm, quả sinh tử hết không gọi là Niết-bàn mà Luận Thành Thật lại gọi?

Đáp: Luận Tỳ-đàm câu trong tánh tướng, vì đạo đích thân dứt gọi là thường diệt, chẳng đích thân dứt là chẳng phải thường diệt. Hai

nghiệp thân và miệng cùng quả sinh tử không phải đạo đích thân dứt nên không phải thường diệt, không gọi là Niết-bàn. Trong Luận Thành Thật, giải nghĩa rất rộng; do dứt phiền não, nghiệp quả chẳng khởi. Theo căn bản này cũng là thường diệt nên nói là Niết-bàn, điều này làm sao biết?

Như Luận Thành Thật (quyển 2, quyển 10) nói: Pháp dứt chấp đoạn là dứt kiến chấp ngã mạn và các pháp sinh khởi khác. Còn tu pháp dứt là không còn chấp ngã mạn và các pháp sinh khởi khác. Giác dứt phiền não là dứt tướng kiến chấp ngã mạn. “Thị” cũng như kiến (kiến chấp). Kiến chấp tướng nhất định mình, người, chúng sinh gọi là “Thị tướng” (kiến chấp). Chấp mình hơn vật gọi là Mạn. Do từ đây phát khởi nghiệp và quả khổ gọi là các pháp sinh khởi khác. Vì dứt kiến chấp khiến cho không khởi, gọi chung là chấp đoạn. Tu dứt phiền não gọi là không chấp tướng ngã mạn nữa. Tu đề dứt chỗ phải dứt gọi là dứt phiền não, không còn kiến chấp mình, người, chúng sinh gọi là không còn kiến chấp “biết thị tướng”. Chỗ dứt của Tu đạo là độn phiền não, chẳng chấp ngã, nhân chúng sinh có tướng cố định gọi là chẳng thị tướng. Trong tâm tối tăm cây vật gọi là Mạn. Nghiệp và quả khổ nương đây khởi gọi là các pháp khác khởi ra. Do dứt tu hoặc khiến đây chẳng khởi gọi chung là Tu dứt. Nghiệp và quả khổ bị kiến và tu dứt nên gọi là thường diệt. Vì thường diệt nên quả sinh tử dứt, gọi là Niết-bàn, hai loại như thế.

Hai loại Niết-bàn này đạt được không nhất định, hoặc ở đồng thời, hoặc ở trước sau. Nếu dứt nhân hiện tại khiến quả đương lai: rất ráo chẳng sinh gọi là Vô dư. Vô dư diệt và hữu dư diệt này được cùng một lúc. Vì trong cùng một lúc có đủ hai nghĩa nên có thể dứt.

Trí cũng có hai loại: Hết nhân sinh tử gọi là Tận trí, dứt quả sinh tử khiến sau không khởi gọi là trí Vô sinh. Nếu bậc Vô học dùng trí Biên-tế thu ngăn quả báo, nhập Niết-bàn (thủ diệt) gọi là Vô dư. Vô dư diệt và Hữu dư diệt này được ở trước sau. Báo diệt rồi mới nói vô dư diệt. Nhưng vô dư diệt được tuy không cố định hoặc trước hoặc sau mà nêu tên chỉ loại sau. Vì sao? Vì báo hiện tại chưa diệt làm chướng báo vị lai không sinh, không hiển nên không đặt tên.

Hỏi: Nếu báo hiện tại chưa sạch không được gọi là vô dư diệt thì lẽ ra cũng không được nói là trí vô sinh. Trong trí đã được nói là trí vô sinh, vì sao trong diệt lại chỉ có nó chẳng được?

Đáp: Trong diệt, thân trí dứt rồi sau nghĩa vô dư mới hiển, nên trước ẩn nó đi. Trí thì không như vậy; thân trí diệt rồi sau không được

nói, nên trước phải nói.

Tiểu thừa như thế.

- *Nói theo Đại thừa, có bốn phần:*

Phân biệt theo nhân quả sinh tử: Hai loại nhân phần dứt và biến dịch sạch hết gọi là Vô dư. Nên luận Địa Trì nói: Tất cả khởi nhân dứt, các thứ khác rốt ráo diệt gọi là Bát-niết-bàn. Khởi nhân dứt là hữu dư, các thứ khác diệt là quả khác mất, đó là vô dư.

Phân biệt theo phần dứt và biến dịch, chỗ nhân quả phần dứt dứt sạch, diệt không rốt ráo gọi là Hữu dư. Chỗ nhân quả phần dứt dứt sạch, cùng cực trong dứt gọi là Vô dư.

Chỗ nhân quả phần dứt mà nhân biến dịch dứt sạch, gọi là Hữu dư, quả biến dịch dứt sạch gọi là Vô dư.

Nói nghiêng theo biến dịch: Nhân biến dịch dứt sạch gọi là Hữu dư; Quả biến dịch mất gọi là Vô dư. Nhân quả phần dứt dứt sạch thuộc về Tiểu thừa, trong Đại thừa không nói.

Phân biệt hai loại Niết-bàn Hữu dư và Vô dư sơ lược như thế.

- Y cứ vào Tánh tịnh và Phương tiện mà nói có hai:

Trong đây lược chia ra ba môn:

- Giải thích tên

- Nói về tướng

- Nói về nhân

- *Giải thích tên:*

+ Phương tiện Niết-bàn chia thành bốn loại:

a- Phương tiện tịnh. b- Phương tiện tịch.

c- Phương tiện hoại. d- Khác nhau tướng.

Giải thích bốn tên này, mỗi thứ có hai nghĩa:

- Đối nhân để nói quả.

- Đối thể để nêu dụng.

Vì sao như thế? Vì phương tiện Niết-bàn có hai loại:

- Từ nhân tu được gọi là Phương tiện tịnh.

- Từ thể khởi dụng gọi là Phương tiện tịch.

Vì thế giải thích tên, mỗi thứ có hai nghĩa.

Phương tiện tịnh: Theo nghĩa đầu, giáo hạnh công đức xưa không nay có, theo nhân phương tiện dứt chướng được tịnh gọi là Phương tiện tịnh. Nếu theo nghĩa sau, tác dụng khéo léo gọi là Phương tiện, tịnh trong tác dụng gọi là Phương tiện tịnh.

Phương tiện tịch: Nếu theo nghĩa đầu, theo nhân phương tiện dứt chướng được tịch gọi là Phương tiện tịch. Nếu theo nghĩa sau tác dụng

khéo léo nên gọi là Phương tiện, thì tịch trong tác dụng gọi là Phương tiện tịch.

Phương tiện hoại: Nếu theo nghĩa đầu, từ nhân phương tiện hoại chướng được diệt gọi là Phương tiện hoại. Nếu theo nghĩa sau, tác dụng khéo léo gọi là Phương tiện thì dụng tướng khác nhau gọi là Phương tiện hoại.

Bất đồng tướng: Theo nghĩa đầu, phương tiện Niết-bàn dứt nhiễm được tịnh. Nhiễm tịnh thể khác nhau gọi là bất đồng tướng. Nếu theo nghĩa sau, tác dụng khác nhau gọi là bất đồng tướng.

Phương tiện như thế.

- Tánh tịnh Niết-bàn danh nghĩa có ba:

a- Tánh tịnh. b- Tánh tịch. c- Đồng tướng.

Giải thích ba danh nghĩa này, mỗi thứ có hai:

- Đối nhân hiển quả.

- Đối dụng nêu thể.

Vì sao như thế? Vì tánh tịnh Niết-bàn có hai loại:

- Pháp tánh xưa ẩn hiển thành đức ngày nay, gọi là Tánh tịnh.

- Niết-bàn thể tịnh gọi là tánh tịnh, trong môn này, bất luận công đức do tu mà sinh hay do tu mà hiển, đối với dụng để nói về thể đều gọi là Tánh tịnh.

Bởi vì tánh tịnh có hai nghĩa này, thế nào là nương theo đó giải thích tên, mỗi thứ có hai:

(a) **Tánh tịnh:** Theo nghĩa đầu, pháp tánh vô thỉ gọi là Tánh. Tánh này xưa bị vọng tướng che lấp làm cho bất tịnh. Kinh Thắng-man nói: Tự tánh tịnh tâm chẳng nhiễm mà nhiễm. Sau dứt vọng nhiễm, tánh kia mới tịnh gọi là Niết-bàn. Cho nên gọi là Tánh tịnh Niết-bàn. Nếu theo nghĩa sau thì pháp thể Niết-bàn gọi là Tánh. Niết-bàn thể tịnh gọi là Tánh tịnh.

(b) **Tánh tịch:** Theo nghĩa đầu, pháp tánh vô thỉ theo duyên phiêu động như sóng biển gọi là Tánh chẳng tịch. Sau dứt vọng nhiễm pháp tánh mới tịch. Pháp tánh mới tịch gọi là Niết-bàn, cho nên gọi là Tánh tịch Niết-bàn. Nếu theo nghĩa sau thì Niết-bàn thể tịch chẳng phải dụng tịch, nên nói Tánh tịch.

(c) **Đồng tướng:** Theo nghĩa đầu, pháp tánh vô thỉ thể chung cả nhiễm và tịnh, gọi là Đồng tướng. Chư Phật chứng hội nói là Niết-bàn, cho nên gọi là Đồng tướng Niết-bàn. Lại, pháp tánh này thể như, nhất vị cũng gọi là Đồng tướng. Chư Phật chứng được, nói là Niết-bàn. Cho nên cũng gọi là Đồng tướng Niết-bàn. Lại pháp tánh gốc, thể tuy vị

mà tùy duyên trôi lăn thọ đủ thứ hình tướng, như một vị thuốc tùy chỗ lưu hành có nhiều thứ vị, gọi là bất đồng. Dứt tướng, xứng hợp với gốc không có khác nhau gọi là Đồng tướng. Nói đồng tướng này là Niết-bàn, cho nên còn gọi là Đồng tướng Niết-bàn.

Nếu theo nghĩa sau thì Niết-bàn thể đồng nên nói là đồng tướng. Thế vì sao đồng? Như Địa luận nói: “Tất cả pháp như, nói là tự thể không” gọi là Đồng. Nghĩa này thế nào? hắng sa Phật pháp đều là pháp trong một tâm. hắng sa pháp như, đâu khác tâm như, nên được nói rằng tất cả pháp như là thể không.

Danh nghĩa như thế.

Nói về tướng:

Phân biệt theo nghĩa tiến, lùi có năm:

Theo đức phương tiện tu sinh, theo nghĩa chia hai, hai tướng thế nào? Đức trong tu sinh có hai việc làm:

Đối trị Duyên tác, huân phát chân tâm, làm cho các công đức sinh ra. Giống như con dấu in vào đất sét, đường nét nổi lên.

Thế tác: Chân duyên theo hạnh hợp thành các đức. Như vàng tùy duyên làm ra vật trang sức.

Bên nghĩa duyên tác gọi là Phương tiện tịnh, bên nghĩa thế tác gọi là Tánh tịnh.

Tu sinh, tu hiển đối tượng nói hai: Hai thứ đức tu sinh ở trước đều gọi là Phương tiện. Pháp tánh vô tử hiển thành đức ngày nay gọi là Tánh tịnh. Như Địa Trì nói: sáu nhập cao siêu, pháp như thế từ vô tử gọi là Tánh chủng tánh. Dùng Tánh tịnh này nếu theo như trước đến giờ tu thiện, chỗ được gọi là Tập chủng tánh.

Do phương tiện này ở đây chia hai:

- Công đức Tu sinh gọi thẳng là Bồ-đề.

- Công đức Tu hiển gọi thẳng là Niết-bàn.

Như Kinh Niết-bàn nói, trong Kinh ấy chép: Bồ-đề từ nhân mà sinh. Niết-bàn do liễu nhân mà hiển, không có nghĩa sinh. Nhiếp tướng nói chung đều là Bồ-đề. Vì viên thông nên như trong Kim cang Bát Nhã nói: Bởi vì hai loại đều là Bồ-đề nên phải dùng Tánh tịnh và Phương tiện để gọi khác. Bồ-đề Tu sinh gọi là Phương tiện; Bồ-đề tu hiển gọi là Tánh tịnh. Lại, hai loại này đều là Niết-bàn vì vắng lặng. Bởi hai loại đều là Niết-bàn nên phải dùng Tánh tịnh và Phương tiện để gọi khác. Niết-bàn Tu sinh là Phương tiện, Niết-bàn Tu hiển là Tánh tịnh.

Y theo tu chứng để chia ra hai loại khác nhau: Hai loại vừa rồi là nói theo tu. Phương tiện tu sinh và phương tiện tu hiển đều gọi là

Phương tiện. Chứng thật, mất duyên gọi là Tánh tịnh. Nghĩa này thế nào? chư Phật, Như Lai chứng thật, so sánh ngược lại xưa không ẩn, nay cũng không hiển, tịnh chẳng phải do duyên tạo ra nên gọi là Tánh tịnh. Một cặp này như Địa Kinh nói tướng Tịnh giải thoát trong kinh ấy, xa lìa các đường gọi là Phương tiện tịnh. Tự thể vốn không, tự tánh thường tịch, chẳng phải trước có nhiễm, lúc sau lìa nhiễm mà gọi là Tánh tịnh. Lại, ở đây có nghĩa tương tự với duyên lìa nói năng phát ra ánh sáng, trong kinh Niết-bàn. Kinh này (Bản Nam, quyển 19) nói: “Ánh sáng này tức là Niết-bàn. Niết-bàn thường trụ luận nhân duyên. Vì sao Như Lai hỏi nhân duyên này?” Tức là Tánh tịnh. “Cũng có nhân duyên, do diệt vô minh mà được đèn Tam-bồ-đề sáng suốt nên có ánh sáng này”, tức là phương tiện.

Lại nữa, như kinh Niết-bàn kia nói: “Xả từ được từ, không theo nhân duyên” nghĩa này tương tự xả từ thế đế được Từ đệ nhất nghĩa, tức là phương tiện. Từ Đệ nhất nghĩa, không theo nhân duyên, tức là Tánh tịnh.

Hỏi: Phương tiện từ duyên tu được gọi là quả thì có thể biết. Tánh tịnh Niết-bàn chứng thật mất duyên, không theo duyên hiện là quả được chăng?

Đáp: Không cố định, vừa là quả, vừa không phải quả. Nghĩa này thế nào? Thể tuy không phải quả, đến Phật bèn giác. Vì là Phật chứng đến tột cùng nên được gọi là Quả. Vì là quả nên Địa Kinh nói rằng: Diệt Phật hành định tức là Tánh tịnh Niết-bàn. Vì sở hành của Phật đâu thể nào không phải quả? Lại là trí mẫu nhiệm của chư Phật, thể tướng này sao không phải quả được?

Lúc lìa duyên, không nhân để báo nên nói không phải quả. Vì không phải quả nên trong kinh khen Phật đạt được pháp báo không nhân không quả: Lại, kinh cũng nói: Thể của Niết-bàn chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Niết-bàn đã vậy, các đức cũng như thế!

Thể dụng chia hai: Vừa rồi chỗ nói thể của tất cả Niết-bàn là Tánh tịnh, dụng là phương tiện. Tướng Dụng khéo léo nên gọi là Phương tiện. Đức thể thường tịch, nói là Tánh tịnh.

Lý sự chia hai: Vừa rồi cái gọi là tất cả Niết-bàn hạnh đức khéo léo đều gọi là Phương tiện, lý thể thường tịch gọi là tánh tịnh, đây là khổ diệt đế trong kinh.

Hỏi: Lý này ba đâu có khác với chỗ với biện Tánh tịnh trong cặp thứ.

Đáp: Thể là một, tùy nghĩa mà chia. Chỗ nói về Niết-bàn Tánh

tịnh vừa rồi là nhiếp pháp theo người, là chỗ tốt cùng của Phật, là chỗ chứng của hạnh. Chứng rồi, phương tiện không ẩn, không hiển, không nhân không quả. Nay nói lý là nói theo pháp thường. Phạm phu và Phật như một, nhiếp tịnh không đổi, không phải ẩn, không phải hiển, không phải nhân, không phải quả, có sự khác nhau này. Trong năm loại tánh mà Kinh Niết-bàn nói, nghĩa tánh không nhân quả tương đương với môn này.

Vì nói theo thật thì, thể thật này ngoài thật không có duyên, duyên tức chẳng có thì biết theo cái gì nói nhiếp, nói tịnh, nói nhân, nói quả? Nên chẳng phải nhiếp, chẳng phải tịnh, chẳng phải nhân, chẳng phải quả.

Thể tướng như thế.

Định về nhân:

Trước y theo đối để nói về nhân:

- Cặp đầu tiên ở trên nói nghiêm về nghĩa phương tiện tu sinh công đức, chia ra hai loại:

- Đối với nghĩa sinh khởi gọi là Phương tiện tịnh.

- Đối với nghĩa thể khởi gọi là Tánh tịnh.

Nay theo duyên tu sáu độ kia và Phật tánh để nói về nhân.

Nói về nhân có ba:

a- Phân biệt Duyên - chánh.

b- Phân biệt Sinh - liễu.

c- Phân biệt Sinh - tác.

(a) Duyên và chánh thế nào?

So với Phật tánh kia, đối với nghĩa Thể tác thì Phật tánh là chánh nhân. Vì trong Phật tánh có nghĩa khả sinh, có nghĩa khả y sinh ra đức kia, nên thuộc về chánh nhân; các hạnh sáu độ gọi là Duyên. Có nghĩa tương tự với Phật tánh chánh nhân và phát tâm là duyên được quả Bồ-đề trong kinh Niết-bàn.

Đức Tu sinh này nói theo chia tướng, tức là Bồ-đề nên đồng với kia.

So với Duyên lực, bên nghĩa động tác thì các Độ là chánh nhân, Phật tánh là duyên. Có nghĩa tương tự với sáu độ sinh nhân, Phật tánh liễu nhân được quả Bồ-đề trong Kinh Niết-bàn. Sinh tức là chánh, liễu tức là duyên.

(b) Nói về sinh - liễu:

So với Phật tánh kia, đối với nghĩa thể tác Phật tánh là sinh nhân, các độ là liễu. Vì Phật tánh là sinh nhân nên Kinh Niết-bàn nói rằng:

“Phật tánh tuy không mà chẳng đồng với sừng thỏ. Vì sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện chẳng thể sinh được, còn Phật tánh thì sinh được. Vì sinh được nên nói là sinh nhân. Các Độ là Liễu nhân, có nghĩa tương tự với lại có liễu nhân, sáu Ba-la-mật a-nậu Bồ-đề trong Kinh Niết-bàn.

Nếu So với duyên lực, đối với nghĩa Động tác thì các Độ là nhân sinh, Phật tánh là liễu nhân, có nghĩa tương tự với lại có sinh nhân, sáu ba-la-mật a-nậu Bồ-đề. Lại có liễu nhân, Phật tánh Bồ-đề trong Kinh Niết-bàn. Phật tánh là cảnh. Do thấy Phật tánh, thành tựu đức của Phật nên nói là Liễu.

(c) *Nói về sinh - tác*: Sinh nhân, Tác nhân giải thích chung tất cả. Nếu chia theo tướng thì chẳng phải không có khác nhau.

Tướng khác thế nào?

Nhân do năng lực duyên khởi lên gọi là tác nhân. Danh tự Tác nhân như Kinh Niết-bàn nói. Phật tánh sinh đức gọi là Sinh nhân, vì trong Phật tánh có nghĩa khả sinh theo duyên mà sinh.

Nói rằng: Năng lực duyên sinh đức gọi là Sinh nhân. Phật tánh thành tựu đức gọi là Tác nhân, như vàng làm khí cụ.

- Cặp đầu như thế.

- Cặp thứ hai: Nhận định về hai loại Niết-bàn Tu sinh và tu hiển, trong đây có hai:

a- Phân biệt Duyên và chánh.

b- Phân biệt Duyên và liễu.

(a) *Duyên-chánh thế nào?* Ẩn hiển thô cho rằng so với quả Tánh tịnh thì Phật tánh là Chánh nhân, các độ là duyên. So với quả phương tiện thì các độ là Chánh nhân, Phật tánh là duyên.

Theo thật nói kỹ thì so với hai Niết-bàn, đồng nói Phật tánh là Chánh nhân, nhưng trong Phật tánh có hai nghĩa:

Pháp Phật tánh: Pháp thể sẵn có, như vàng trong quặng.

Báo Phật tánh: ở trên pháp thể sẵn có, có nghĩa tùy duyên sinh ra mà không có pháp thể. Như vàng trong quặng có nghĩa tạo tác đồ trang sức, chưa có vật trang năng lực đã ở trong vàng.

Pháp Phật tánh kia so với quả tánh tịnh thì gọi là Chánh nhân. Báo Phật tánh kia so với quả phương tiện gọi là Chánh nhân.

Các Độ không nhất định, vì sao không nhất định? Sáu độ có ba:

Duyên tu sáu độ: Là tu các hạnh trong tâm sáu thức, bảy thức.

Chân thật hữu tác sáu độ: Mượn duyên tu ở trên tu huân tác chân tâm, giúp các công đức trong tâm khởi lên.

Chân thật vô tác sáu độ: Chân tâm vốn là tánh của các công đức, theo duyên hiển rõ gọi là sáu độ Chân thật vô tác. So với quả phương tiện, chân thật hữu-tác sáu Ba-la-mật cũng là chánh nhân, hai loại kia là duyên.

(b) Nói về Sinh - Liễu: Phật tánh so với quả phương tiện kia, là Sinh nhân. So với quả Tánh tịnh là Liễu nhân. Về thể Phật tánh có nghĩa khả sinh, sinh quả phương tiện, nên gọi là Sinh nhân. Kinh Niết-bàn nói: Phật tánh tuy không mà chẳng đồng với sừng thỏ. Tại sao? Vì sừng thỏ không sinh, Phật tánh sinh được, nên gọi là Sinh nhân, Phật tánh xưa nay có nghĩa khả hiển, khả liễu. Cuối cùng được hiển rõ thành quả tánh tịnh, nên so với quả ấy được gọi là Liễu nhân. Kinh Niết-bàn nói: Phật tánh tuy có mà chẳng đồng với hư không. Vì sao? Hư không tuy dùng vô lượng phương tiện cũng chẳng thể thấy được mà Phật tánh có thể thấy, vì có nghĩa có thể thấy, có thể rõ nên gọi là Liễu nhân. Lại, kinh Niết-bàn nói: Nhân Niết-bàn là Phật tánh, tánh của Phật tánh không sinh Niết-bàn, nên gọi là liễu nhân.

Sáu độ không nhất định, vì sao không nhất định? Ba loại sáu độ như trước đã nói, so với quả phương tiện, sáu Ba-la-mật chân thật hữu tác cũng là Sinh nhân. Như sữa sinh lạc, lạc sinh tô, cho đến đề hồ, lần lượt sinh ra, đều gọi là Sinh nhân. Hai loại kia là liễu nhân, vì không phải chính sinh, so với quả Tánh tịnh, tất cả gọi là Liễu, sáu độ vô tác cuối cùng có thể hiển tròn đầy thành tựu quả Tánh tịnh. Vì khả hiển, khả liễu nên gọi là liễu nhân. Hai loại kia là tướng khác hiển liễu nên gọi là Liễu nhân. Vì sao không nói hai nhân sinh và tác? Nhìn về quả Phương tiện thì có sinh có tác, như đã biện ở trên. So với quả Tánh tịnh thì không sinh, không tác. Nên không nói thêm.

- Cặp thứ ba: Nói về nhân, y theo tu đến khi chứng hai loại Niết-bàn để:

So với Phương tiện, nói duyên nói chánh, nói sinh nói liễu như đã giải thích đầy đủ ở trên. Quả Tánh tịnh kia chứng thật quên duyên nên không thể theo đó nói Duyên, nói Chánh, nói Sinh, nói Liễu. Chỉ biết tánh Bình đẳng không phải nhân quả. Phật xưa vốn ở duyên, lúc chưa chứng, thì nghĩa này gọi là Nhân. Nói lúc chứng rồi cho là quả. Và lúc chứng rồi đạt được gốc không duyên. Vì không duyên nên xưa cũng chẳng phải nhân, nay cũng chẳng phải quả.

- Cặp thứ tư: Định về nhân, Thể, dụng đối tượng một loại Niết-bàn.

Trong môn này, Niết-bàn thể tịnh gọi là Tánh tịnh. Niết-bàn dụng

tịnh gọi là phương tiện tịnh. Đối với thể Tánh tịnh nói nhân, như ở trên. Phương tiện tịnh, nên biết tức là ứng hóa Niết-bàn.

Ứng có hai loại:

a- Pháp ứng. b- Báo ứng.

Như Kinh Niết-bàn nói: Đại Bát-niết-bàn có công năng dựng lập nghĩa Đại, hiện các thứ hóa là Pháp ứng. Nguyên lực Đại bi các thứ hóa hiện gọi là Báo ứng. Nay đối với hai loại này để định về nhân. Chia ra làm hai:

a- Phân biệt Duyên và chánh.

b- Phân biệt Sinh và liễu.

(a) **Thế nào là Duyên và Chánh?** Về pháp ứng, pháp môn duyên khởi trong Như Lai Tạng lấy đó làm chánh. Như trong Kinh Hoa Nghiêm, các loại pháp môn mà đồng tử Thiệt Tài cầu. Nguyên lực đại bi sẵn có làm duyên. Pháp kia tuy có thể khởi dụng, nhưng nếu không có Bi nguyện thì rất ráo chẳng sinh. Ví như hỏa châu tuy có thể cho ra lửa mà cần phải có mặt trời. Cũng như thủy châu tuy có thể cho ra nước mà cần phải gặp mặt trăng, cho nên kinh nói: Về Pháp khác có nên pháp khác sinh ra. Báo ứng lấy nguyên lực Đại bi làm chánh nhân; pháp môn Tam-muội lấy đó làm duyên. Nếu không có pháp kia, thì năng lực bi nguyện không thể sinh một mình. Ví như mặt người tuy có thể sinh hình mà cần phải nương gương. Cũng như âm thanh tuy có thể phát ra tiếng vang mà cần phải nương hang hốc.

Duyên và chánh như thế.

(b) **Thế nào là Sinh và Liễu?** Đích thân khởi ra gọi là Sinh. Xa mà phát gọi là Liễu, y theo Duyên - Chánh ở trước thì nghĩa rất dễ hiểu.

- Cập thứ năm: Lý sự đối tượng hai loại Niết-bàn để định về nhân. Đối với môn này, sự là phương tiện, giống như trước đã nói. Tánh tịnh là lý, chẳng phải nhân, chẳng phải quả chẳng thể nói nhân.

Hai loại Niết-bàn nói Tánh tịnh và Phương tiện sơ như thế.

Nói về hai loại Niết-bàn Chân và Ứng: Hai loại Niết-bàn theo duyên tu sinh và theo duyên tu hiển, thể đều là chân.

Nghĩa Niết-bàn ứng hóa có thông, có cuộc.

Nói chung thì đều là tác dụng từ Niết-bàn khởi. Hoặc phàm, hoặc Thánh, hoặc thiện, hoặc ác, hoặc cấu, hoặc tịnh. Tất cả như thế đều gọi là Ứng hóa Niết-bàn. Như kinh Niết-bàn nói: Đại Bát-niết-bàn có công năng dựng lập nghĩa đại, các thứ thị hiện, như thế v.v...

Nói theo chia tướng thì hóa đủ tất cả, trong đó có chia ra Niết-bàn, và không phải Niết-bàn. Ứng dứt phiền não, ứng diệt sinh tử. Hưởng

về vô vi gọi là Ứng Niết-bàn. Ngoài ra tất cả theo tướng gọi khác. Ứng làm Phàm gọi là Ứng phàm, Ứng làm Thánh gọi là Ứng Thánh, Ứng làm Thanh văn gọi là Ứng Thanh văn, Ứng hiện Duyên giác gọi là ứng Duyên giác. Tất cả như thế.

Tướng hai như thế.

Lại, tăng nói ba. Ba có hai môn:

Thế, tướng, dụng chia ra ba loại.

- Hạnh đức chẳng đồng nói có ba loại.

Thế tướng dụng: Tánh tịnh Niết-bàn lấy đó làm thế, pháp tánh là gốc vì tất cả chủng đức nương vào pháp tánh. Phương tiện Niết-bàn nói là tướng vì đối trị cấu nhiễm tướng tịnh hiển bày. Nên trong Địa luận, Phương tiện Niết-bàn gọi đó là Tịnh tướng giải thoát. Ứng hóa Niết-bàn gọi là dụng, nên Kinh Niết-bàn nói: Đại Bát-niết-bàn dựng lập nghĩa đại, nghĩa là dụng. Nói rộng như trước.

Hạnh đức khác nhau nói ba: Như trong kinh nói: Pháp thân, Giải thoát, Ma ha Bát-nhã là ba: Trong đây lược chia ra sáu môn:

- Lập ra ba số.

- Giải thích tên, nói về tướng.

- Nói về sự đồng khác của ba thể này.

- Nói về ba thể này có thành Niết-bàn và không thành Niết-bàn.

- Dùng ba loại này để nói về chung và riêng đối với Niết-bàn.

- Nói về Tánh tịnh và phương tiện Niết-bàn, có đủ chẳng đủ.

1) Chế lập: Trong thể Niết-bàn, hạnh đức vô số, vì sao chỉ nói về ba loại này?

Đáp: Có hai nghĩa:

Đối chướng khác nhau nên lập ba loại.

Đối nhân khác nhau nên lập ba loại.

(a) Đối chướng: Trong pháp sinh tử có ba loại:

Phiền não là duyên sinh tử.

Nghiệp hạnh là nhân sinh tử.

Khổ báo là quả sinh tử.

Trong ba loại này, phiền não là gốc, nương phiền não khởi nghiệp, do nghiệp chịu khổ.

Trái với ba loại này nên nói ba sự:

Trái với phiền não nên nói Bát-nhã, vì Niết-bàn trí tuệ sáng suốt dứt được pháp phiền não, mê hoặc tối tăm.

Trái với nghiệp nhân nên nói giải thoát, không có quả để dứt tuyệt.

Trái với khổ báo nên nói Pháp thân, vì Pháp thân thanh tịnh là khổ báo.

Đối chường như thế.

(b) Đối nhân khác nhau: Nhân có ba loại:

1- Phước. 2- Trí. 3- Khổ báo.

Như Địa Trì nói: Trong sáu độ, ba loại trước là phước, Bát-nhã là trí, tinh tấn và Thiền định vừa phước vừa trí, nghĩa như trên đã giải thích.

Tám thứ tịnh báo gọi là báo, tám báo là:

- Thọ đầy đủ: Trường thọ, sống lâu.

- Sắc đầy đủ: Dung nhan khôi ngô, xinh đẹp.

- Chủng tánh đầy đủ: Sinh vào nhà thượng tộc.

- Tự tại đầy đủ: Nghĩa là tài sản lớn, quyền thuộc nhiều v.v...

- Tín ngôn đầy đủ: Nói ra được người tin dùng.

- Đại lực đầy đủ: Đức độ tôn quý có tên tuổi lớn, trí tuệ lớn v.v...

được người kính trọng.

- Nhân đầy đủ: Thành tựu pháp trượng phu.

- Lực đầy đủ: Thân sức mạnh đầy đủ có nhiều khả năng.

Báo tướng như thế.

Trí trong nhân đến quả tròn đầy gọi là Bát-nhã. Phước trong nhân đến quả đầy đủ gọi là Giải thoát. Báo trong nhân đến quả đầy đủ gọi là Pháp thân.

Chế lập như thế.

2) Giải thích tên gọi nói về tướng:

Pháp thân:

Có hai nghĩa:

Hiển bày pháp tánh sẵn có để thành thân, gọi là Pháp thân.

Do tất cả công đức mà thành thân, gọi là Pháp thân.

Tướng trạng thế nào?

Khai hợp không nhất định:

Chung chỉ có một: Pháp thân.

Hoặc chia làm hai: Chân và ứng.

Hoặc nói là ba: Pháp, Báo và Ứng, như Địa luận nói. Lại như trong kinh Kim Quang Minh (loại bảy quyển), cũng chia làm ba: Hóa thân, Ứng thân và Chân thân. Hai Phật Pháp thân và Báo thân gọi là Chân thân. Vì giáo hóa chúng sinh thị hiện thân Phật gọi là Ứng thân. Thị hiện các thứ thân trong sáu đường gọi là Hóa thân. Nếu theo Kinh Niết-bàn thì hai Phật pháp và Phật Báo là Chân thân, hiện sinh ở cung

ma, hiện thành đạo ở dưới cây Bồ-đề là Ứng thân. Nương Ứng khởi Hóa, nhận đại chúng cúng dường là Hóa thân.

Hoặc lại chia làm bốn. Như kinh Lăng Già nói:

Ứng Hóa Phật như Ứng thân ở trước.

Công đức Phật.

Trí tuệ Phật.

Hai loại này (công đức, trí tuệ) như Báo thân trước.

Như như Phật như Pháp thân ở trước.

Có chỗ chia làm năm: Là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

Có chỗ chia làm mười. Như Địa kinh nói: Từ Nguyệt thân cho đến Trí thân. Lại trong Kinh Hoa Nghiêm nói mười Phật cũng là mười. Mười thân là từ Vô Trước Phật cho đến Như Ý Phật thứ mười.

Rộng thì vô lượng, pháp như trong chương Tam Phật ở sau sẽ phân biệt rộng.

Pháp thân như thế.

Giải thoát:

Tự thể không lụy gọi là Giải thoát. Lại, khởi ràng buộc cũng là giải thoát.

Tướng trạng thế nào?

Khai hợp không nhất định:

Chung chỉ có một là môn Giải thoát trong ba việc.

Có chỗ chia làm hai, hai có hai môn:

- Đối tượng chia làm hai là Hữu vi, vô vi:

- Tất cả dứt đức gọi là Vô vi.

- Tất cả hạnh đức gọi là Hữu vi.

- Tâm và Tuệ chia hai, ở trong môn này có hai nghĩa:

- Phân biệt Cạn sâu:

- Dứt trừ Bốn trụ Thế đế tâm tịnh gọi là tâm giải thoát.

- Trong Thế đế, tất cả đức giải thoát đều dùng tâm làm thể nên chỉ nói về tâm dứt bật vô minh, trí tuệ chân đế sáng tỏ, gọi là Tuệ giải thoát.

Trong Chân đế, tất cả đức giải thoát đều dùng tuệ làm chính, nên chỉ nói về tuệ. Như trong kinh nói: Dứt si thì tuệ sáng, dứt ái thì tâm giải thoát, nghĩa tương đương với môn này.

- Phân biệt Thể và dụng: Dứt trừ Năm trụ tánh kiết phiền não, chân tâm thể tịnh gọi là Tâm giải thoát. Như kinh Niết-bàn nói: “Dứt hẳn tất cả tham, sân, si gọi là tâm giải thoát”. Văn ấy lại nói: “Tâm này

bản tánh tuy bị tham, sân, si v.v... che đậy mà không bị tham v.v... kia hòa hợp”. Chư Phật, Bồ-tát dứt hẳn tham v.v... gọi là Tâm giải thoát. Nên biết, theo thể dứt sự vô tri, tuệ dụng tự tại gọi là Tuệ giải thoát, như kinh Niết-bàn nói.

Trong văn ấy, tuệ giải thoát chia ra năm thần thông, biết rõ theo dụng cũng được chia làm ba. Trong giải thoát hữu vi có tâm, có tuệ chung với giải thoát vô vi là ba.

Hoặc chia làm năm: Như Niết-bàn nói là sắc giải thoát cùng với Thọ, Tưởng, Hành, Thức giải thoát. Đó là năm, xa lìa năm ấm sinh tử buộc ràng, được năm ấm tự tại vô ngại của Phật gọi là Giải thoát.

Cũng được nói sáu: Năm loại này thêm pháp vô vi.

Cũng được nói tám là tám giải thoát, nghĩa như trên đã giải thích.

Có chỗ nói là một trăm như trăm câu giải thoát trong Kinh Niết-bàn.

Rộng thì vô lượng. Như Hoa Nghiêm nói.

Bát-nhã:

Hán dịch là tuệ. Trí soi chiếu nên gọi là Tuệ.

Tướng trạng thế nào?

Khai hợp không nhất định.

Chung chỉ có một: Một như thật tuệ.

Hoặc chia làm hai: Có thể là Thật trí và trí Phương tiện, nghĩa như trên giải thích. Lại, Trí Nhất thiết và trí Nhất thiết chủng cũng được chia làm hai. Biết tất cả như gọi là Trí Nhất thiết, biết tất cả sự gọi là Nhất thiết chủng.

Cũng được chia làm ba, như Địa Trì nói: trí Thanh tịnh, trí Nhất thiết, trí vô ngại là ba. Nghĩa như trên đã giải thích.

Có chỗ chia làm bốn: Ta đã hết sinh tử, phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa. Nghĩa như ở sau sẽ giải thích. Lại bốn vô ngại cũng được chia làm bốn, nghĩa như trên đã giải thích.

Cũng được nói năm là Năm trí ấn: Biết tất cả pháp Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, Vắng lặng. Lại như trong Luận Thành Thật nói năm trí cũng là năm. Năm trí là:

Trí Pháp trụ: Biết pháp Thế đế nhân duyên chẳng hoại.

Trí Nê-hoàn: Biết pháp Đệ nhất nghĩa tánh thường tịch.

Trí Nguyện: Tùy nguyện tự tại, muốn biết thì biết ngay.

Trí Vô tránh: Khéo tùy lòng người, không cạnh tranh với người.

Trí Biên tế: Đối với báo thân của mình thọ rớt ráo kéo dài hoặc rút ngắn tùy tâm, nghĩa như trên đã nói.

Cũng được nói là sáu: Biết các pháp Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, Bất tịnh, Niết-bàn, Vắng lặng.

Cũng được nói là bảy: Biết pháp, biết nghĩa, biết đủ, biết thời, biết mình, trong kinh Niết-bàn cũng gọi là Tri ngã. Lại có thể biết chúng sinh và biết tôn ti. Chung với trước là bảy, bảy loại này bắt đầu khởi lên ở nhân và thành tựu viên mãn ở Phật.

Lại trong Kinh Niết-bàn nói Phật, Như Lai đầy đủ tám trí là biết sinh tử vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh; biết pháp Niết-bàn là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đó là tám. Nên Kinh (Niết-bàn, quyển 27) ấy nói: chư Phật Như Lai biết tất cả pháp vô thường và khổ, vô ngã, bất tịnh; biết không phải tất cả Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vì nghĩa này nên thấy tánh rõ ràng.

Cũng được nói chín: Biết tám thứ trước và đệ nhất nghĩa.

Cũng được nói mười là Mười lực.

Rộng thì vô lượng.

Bát-nhã như thế.

3) Nói về đồng khác:

Nói chung thì ba loại này đồng thể, giống như hư không vô ngại bất động. Vì đồng thể nên các đức chứa nhóm đều gọi là Pháp thân. Lại tự thể của đức cũng gọi là Pháp thân. Các đức không lụy đều gọi là Giải thoát. Các đức sáng sạch đều gọi là Bát nhã. Đồng một chân tâm, là tánh tri giác. Lại, Tuệ là chính, các đức khác là bạn. Nhiếp bạn theo chủ gọi chung là Bát nhã. Nên trong Địa kinh theo trí rất sâu kín mở ra hai loại Giải thoát đồng tướng và khác nhau tướng. Vì đồng thể nên được thành Niết-bàn. Nên Kinh Niết-bàn chép: “Lại chẳng phải khác nhau nên thành kín đáo”. Kinh Thắng-man cũng nói: Một vị, đẳng vị theo nghĩa chia ra ba thể khác này.

Trong dị, tuệ số gọi là Bát-nhã. Pháp thân, Giải thoát tiến lùi không nhất định.

Nếu nói sắc tướng tốt của chư Phật là Pháp thân. Ngoài ra các đức đồng gọi là Giải thoát.

Nếu nói Giải thoát số là Giải thoát thì các đức còn lại đồng gọi là Pháp thân.

Vì cái khác này nên Kinh Niết-bàn nói rằng: Có pháp danh nghĩa đều khác, như mười hiệu và Tam Bảo v.v...

Đồng khác như thế!

4) Nói về ba việc có thành Niết-bàn, không thành Niết-bàn:

Trong đây trước nói Đại thừa và Tiểu thừa đối nhau để làm rõ thành và bất thành. Sau chỉ nói về Đại tỏ rõ thành và không thành.

Đối với tướng Đại - Tiểu: Đại thừa ba việc thành được Niết-bàn. Tiểu thừa không được thành. Vì sao? Vì có năm giải thích:

Phân biệt Có Không: Tiểu thừa ba việc, thể là pháp có. Tiểu thừa Niết-bàn, thể là pháp không. Có - Không khác thể nên không thành tựu cho nhau.

Ba việc của Đại thừa, thể là pháp có. Niết-bàn Đại thừa, thể cũng là pháp có. Nghĩa có giúp nhau nên thành tựu cho nhau được.

Phân biệt đối với tướng Thường, Vô thường:

Ba việc của Tiểu thừa, thể là vô thường. Niết-bàn của Tiểu thừa, thể là Thường. Thường và Vô thường khác nhau nên không làm thành cho nhau.

Ba việc của Đại thừa, thể tánh là Thường. Niết-bàn của Đại thừa, thể cũng là Thường, nghĩa Thường thuận nhau nên làm thành cho nhau được.

Hai môn đầu này nghĩa thì có mà vẫn thì không.

Phân biệt Đồng thể - Dị thể:

Ba việc Tiểu thừa, thể tánh khác nhau, do đó không thành. Thể vì sao khác? Trong pháp Tiểu thừa nói rằng Tuệ số là Bát nhã; Giải thoát số là Giải thoát; các đức còn lại gọi là Pháp thân. Các tâm pháp này thể tánh khác nhau. Vì thể khác nhau nên tánh chấp chẳng vắng lặng, tánh chẳng vắng lặng nên không thành Niết-bàn.

Ba việc Đại thừa thể thì đồng mà nghĩa thì khác như hư không vô ngại bất động vì đồng thể nên duyên khởi thành tướng, không có một pháp giữ tự tánh riêng. Vì không tánh riêng nên đức thể vắng lặng. Vì thể vắng lặng nên được thành Niết-bàn. Nên Kinh Niết-bàn (quyển 2) nói: Lại không phải khác nhau nên thành Niết-bàn.

Phân biệt đối tướng Ngang nhau và không ngang nhau (tịnh, bất tịnh):

Ba việc Tiểu thừa, pháp tâm, tâm sở đồng thời khác thể, khác thể ngang nhau nên không thành Niết-bàn.

Ba việc Đại thừa đồng thời đồng thể, đồng một chân tâm. Chia ra theo nghĩa, vì đồng thể nên không gọi là Ngang nhau. Vì không ngang nhau nên thành được Niết-bàn. Nên Kinh Niết-bàn (quyển 2, Bản Nam, quyển 2) nói như chữ Y ở đời có ba điểm nếu ngang thì không thành được, không ngang thì thành.

Niết-bàn như thế.

Phân biệt đối tượng Dục, không dục:

Ba việc Tiểu thừa, tánh tuy đồng thời, dụng có trước sau, gọi là Dục. Thể khác mà dục thì không thành Niết-bàn.

Ba việc Đại thừa đồng thể, đồng thời dụng không có trước sau, do đó không phải dục. Vì không phải dục nên thành Niết-bàn. Kinh Niết-bàn nói: Như chữ Y ba điểm (:) ở thế gian, nếu dục thì không thành được, chẳng phải dục thì thành.

Niết-bàn như thế.

Ở đây đã nói đủ ba loại Niết-bàn sau.

Đối tượng Đại-Tiểu nói sơ như thế.

- Y theo Đại thừa Nói về thành-bất thành: Có bốn nghĩa:

Phân biệt Chân - Vọng: Theo ngay trong Đại thừa. Duyên tu ba việc, thể vọng không chân, không thành Niết-bàn. Chân đức ba việc thì thành Niết-bàn.

Trong môn này, chỉ khiến là chân, bất kể tánh tịnh, Phương tiện, Ứng hóa đều thành Niết-bàn.

Phân biệt Chân - Ứng: Theo ngay chân đức ở trên, có chân có ứng. Ứng hóa ba việc đồng với Tiểu thừa, vô thường đời đời không thành Niết-bàn. Vì không thành nên cuối cùng phải dứt diệt. Chân đức ba việc mới thành Niết-bàn. Vì chân thành nên cuối cùng phải nhập vào. Nên kinh nói rằng: Nay ta an trụ ba pháp như thế gọi là Nhập Niết-bàn.

Phân biệt Tánh tịnh và phương tiện đối nhau: Như kinh Niết-bàn nói: Ba việc phương tiện đều là Bồ-đề, ba việc tánh tịnh đều gọi là Niết-bàn. Ba việc Phương tiện đều là Bồ-đề nên không thành Niết-bàn, kinh Niết-bàn nói: Thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn. Pháp giải thích cũng chẳng phải Niết-bàn. Ma ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn, ba việc tánh tịnh là Niết-bàn nên được thành Niết-bàn.

Theo ba việc tánh tịnh: Chung riêng thì không thành, chung thu thì thành. Như chữ Y ba điểm ở thế gian, chia riêng thì không thành Y, ba điểm tụ họp thì thành Y được, ở đây cũng như thế, phân chia thì sự cách, do đó được thành.

Nghĩa thành, chẳng thành nói sơ như thế.

5) Dem nhiếp ba việc đối với Niết-bàn để chia ra chung và riêng.

Có người nói: Niết-bàn quyết định là chung, ba việc là riêng. Điều này không đúng. Nói chung thì đều là chung, nói riêng là riêng. Vì đều chung nên Niết-bàn làm môn nhiếp cả ba việc đều là Niết-bàn. Pháp

thân làm môn, thu hết Niết-bàn, Giải thoát, Bát nhã đều thành Pháp thân. Vì Niết-bàn thành Pháp thân, nên trong Kinh Hoa Nghiêm (quyển 38, 43) chép: Nhập vào mười thân Niết-bàn gọi là Pháp thân. Lại, trong kinh ấy nói: Nhập vào Niết-bàn của mười Phật gọi là Niết-bàn Phật. Giải thoát, Bát nhã thành Pháp thân nghĩa còn, rất dễ biết. Giải thoát làm môn, Niết-bàn, Pháp thân và Bát nhã đều thành giải thoát. Như trăm câu giải thoát trong Niết-bàn các đức đều gồm. Bát nhã làm môn nhiếp hết các đức đều thành Bát nhã. Nên trong Địa Kinh nói là Phật Vi trí. Trong đây chia ra hai loại Niết-bàn và tất cả đức.

Tướng chung như thế.

Chia theo biệt thì đều là riêng. Vì là riêng nên kinh Niết-bàn nói danh nghĩa đều khác, như mười hiệu và Tam Bảo v.v...

Danh khác: Niết-bàn, Pháp thân, giải thoát, Bát Nhã, bốn thứ khác nhau.

Nghĩa khác:

Niết-bàn nghĩa vắng lặng.

Pháp thân nghĩa thể, cũng có nghĩa là chứa nhóm.

Giải thoát nghĩa là không lụy.

Bát Nhã nghĩa là soi chiếu.

Nên nói nghĩa khác. Lại nữa, chia ra tướng:

Dứt đức là Niết-bàn.

Sắc báo là Pháp thân.

Trí tuệ là Bát Nhã.

Đức còn lại là giải thoát.

Cho nên đều khác.

Hỏi: Trước là chung, nay vì sao là riêng?

Giải thích có hai nghĩa:

Môn Phân tướng: Các đức đều khác.

Môn Nhiếp tướng: Các đức thành nhau, tất cả đều chung. Tướng nhiếp có hai:

Nhiếp nghĩa đồng:

Trên tất cả đức có nghĩa vắng lặng, xếp vào Niết-bàn; có nghĩa thể, có nghĩa chứa nhóm thì xếp Pháp thân; và có nghĩa hết trói buộc, có nghĩa không lụy xếp vào Giải thoát; có nghĩa chiếu soi, có nghĩa giác biết, nên là Bát nhã.

Nhiếp nghĩa khác:

Nhiếp đủ ba việc để thành Niết-bàn. Nghĩa này thế nào? Nếu không có Pháp thân thì khổ báo không hết, làm sao thành Niết-bàn?

Nếu không giải thoát thì nghiệp kiết không trừ, sao thành Niết-bàn? Nếu không Bát nhã, ám hoặc không dứt, không thành Niết-bàn, nên có tất cả mới thành Niết-bàn.

Nhiếp đủ tất cả để thành Pháp thân. Nghĩa này thế nào? Nếu không Niết-bàn, sinh tử không diệt, làm sao gọi Pháp thân? Nếu không giải thoát, kiết phược không sạch không thành Pháp thân. Nếu không Bát Nhã, ám hoặc không dứt thì không thành Pháp thân. Phải đủ tất cả mới thành Pháp thân, nên xếp các nghĩa để thành Pháp thân.

Gồm đủ các nghĩa cộng thành Giải thoát, nghĩa này thế nào? Nếu không có Niết-bàn thì sinh tử không diệt, không thành giải thoát. Nếu không Pháp thân, khổ báo không hết, không thành giải thoát. Nếu không có Bát nhã, ám hoặc không trừ, không thành giải thoát. Nên có tất cả mới thành Giải thoát.

- Lại chung các nghĩa cộng thành Bát nhã. Nghĩa này thế nào? Nếu không có Niết-bàn, thì các lỗi không diệt, làm sao thành Bát Nhã. Nếu không có Pháp thân, cấu chướng làm thể, làm sao thành Bát nhã. Nếu không giải thoát, trói buộc không lìa, chẳng thành Bát nhã. Nên đủ tất cả mới thành Bát nhã.

Ba việc Niết-bàn chung và riêng đã vậy, ngoài ra hạnh đức chung, riêng cũng thế.

6) Nói về Tánh tịnh, Phương tiện Niết-bàn có đủ và chẳng đủ, chia ra làm ba:

Tánh tịnh Niết-bàn Nói về ba việc, phương tiện Niết-bàn không nói. Vì sao? Tánh tịnh Niết-bàn hiển bày chân tâm có sẵn, lấy đó làm thể, thể chân tâm là tánh các công đức nên có đủ ba việc.

Phương tiện Niết-bàn thể là dứt kiết, số Đại thừa vô vi, là pháp thường diệt nên không có ba việc.

Phương tiện Niết-bàn Nói về ba việc, tánh tịnh không bàn. Như Địa Kinh nói. Vì sao? Vì Phương tiện Niết-bàn trị dứt mà được, đối trị nghiệp khổ phiền não sinh tử, ba sự tướng chia riêng nên nói ba việc. Tánh tịnh Niết-bàn thể như, một vị, ba tướng không hiển bày nên không nói ba.

Nói chung theo thật, tánh tịnh và Phương tiện đều có ba việc. Nghĩa này thế nào?

Pháp thân có hai:

Thân Pháp tánh: Xưa ẩn nay hiển. Như Kinh Thắng-man nói: “Như Lai Tạng hiển là Pháp thân”. Kinh Duy-ma nói: “Quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy”. Như thế v.v...

Thân Thật báo: Do phương tiện tu mà sinh. Thân Pháp tánh thuộc về Tánh tịnh. Thật báo thân thuộc về phương tiện.

Bát Nhã cũng có hai:

Bát Nhã Tánh chiếu cũng gọi là Chứng Trí. Nghĩa này thế nào? Tâm chân thức bản tánh thanh tịnh mà bị vọng nhiễm che đậy nên dường như bất tịnh. Sau dứt vọng nhiễm, tâm kia mới hiển bày. Chân tâm mới hiển như trong bản tánh kia soi sáng pháp giới, gọi đó là tánh chiếu Bát Nhã. Do xứng với bản tánh nên gọi là Chứng Trí.

Bát Nhã Quán chiếu cũng gọi là Giáo trí. Nghĩa này thế nào? Duyên quán đối trị huân phát chân tâm, làm cho trí đức trong chân tâm theo đó mà sinh. Trí đức được sinh, soi sáng các pháp, gọi đó là Bát Nhã, tức quán chiếu này nhờ kinh mà khởi tu nên gọi là Giáo trí. Lại trí này thô để bàn luận, lại có công năng khởi thuyết cũng gọi là Giáo trí.

Bát Nhã Tánh chiếu thuộc về Tánh tịnh. Bát Nhã Quán chiếu thuộc về phương tiện.

Giải thoát cũng có hai:

Giải thoát Tự tánh cũng được gọi là Tánh tịnh giải thoát. Tâm chân thức bản tánh tuy tịnh mà bị vọng ẩn che đậy gọi là hệ phược. Sau trừ vọng nhiễm, tánh kia ra khỏi lụy gọi là Tánh giải thoát. Lại được giải thoát rồi, so ngược hoặc nhiễm từ xưa chẳng có, nay chẳng phải mới tịnh nên đều gọi là giải thoát Tự tánh.

Giải thoát Phương tiện: cũng được gọi là giải thoát Tịnh tướng. Giáo hạnh công đức xưa không, nay có, phương tiện tu sinh. Đức do tu sinh lìa hẳn nhiễm ô ràng buộc, gọi là giải thoát phương tiện.

Giải thoát Tự tánh thuộc về Tánh tịnh, giải thoát Phương tiện thuộc về phương tiện. Nên hai Niết-bàn đều có ba việc.

Lại thêm nói bốn, bốn có hai môn:

Theo thể nói bốn.

- Theo nghĩa nói bốn.

Chia theo thể:

(1) Niết-bàn Phương tiện có hai loại:

(a) Dứt đức: Dứt tất cả phiền não nghiệp khổ, vô vi vắng lặng.

(b) Hạnh đức: Đầy đủ tất cả chủng đức, Pháp thân, giải thoát, Bát

Nhã.

(2) Niết-bàn Tánh tịnh cũng có hai loại:

- Đoạn đức: Chứng pháp vốn tịch lặng, không có pháp để khởi.

Nên kinh nói: chư Phật Như Lai không sinh phiền não gọi là Đại Niết-bàn. Lại Kinh nói rằng: Đối với mười ba tướng không giữ tướng mạo, đó

gọi là chân đế vắng lặng. Chân đế ấy gọi là đoạn đức

Mười ba tướng: Như phẩm Thánh Hạnh trong kinh Niết-bàn (quyển 13) nói: Là tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc; Tướng sinh, trụ, di, diệt; Tướng nam, tướng nữ, tướng khổ vui và không khổ vui.

- Hạnh đức: Tâm chân thức từ duyên mới hiển, nói đó là nhất thiết chủng đức, gọi là Hạnh đức.

Thể chia như thế.

Theo nghĩa có bốn: Là đức Thường, lạc, ngã, tịnh. Nói về bốn nghĩa này, lược có năm môn:

- Nói về kiến lập.
- Giải thích tên, nói về tướng.
- Nói về đồng khác.
- Nói về thông - cuộc.
- Nói về Đại - tiểu có, không có.

(1) Kiến lập:

Trong Đại Niết-bàn nghĩa chia vô số. Nay vì sao chỉ nói về bốn loại này?

Bởi vì nói theo một môn, trong đây lược dùng năm nghĩa kiến lập:

- Dứt trừ bốn bệnh.
- Ngược bốn điên đảo.
- Trị bốn chướng.
- Dứt bốn lỗi.
- Báo bốn nhân.

- Trừ bốn bệnh: Trong pháp sinh tử có bốn thứ bệnh lớn là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Vì dứt trừ nó nên nói Niết-bàn thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

- Ngược bốn đảo: Do Thanh Văn quán sinh tử là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, nói Phật cũng vậy, bèn khởi bốn điên đảo. Đối ngược lại nó nên nói Niết-bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

- Trị bốn chướng: Như luận Bảo Tánh nói, chướng có bốn thứ:

Duyên tướng: Vô minh địa làm chướng Phật chân tịnh, vì dứt trừ nó nên nói Phật chân tịnh.

Nhân tướng: Nghiệp vô lậu làm chướng chân ngã. Đối trừ nó nên nói Phật chân ngã

Sinh tướng: Ý sinh thân. Vì ý này sinh thân khổ ấm nên làm chướng chân lạc của Phật. Trừ chướng ấy nên nói là Phật chân lạc.

Hoại tướng: Sinh tử biến dịch làm chướng Phật chân thường, vì

dứt trừ nó nên nói là Phật chân thường.

Các thứ chương này đều theo nhân quả biện dịch mà nói chương, thật ra là chương chung, là chia theo tướng.

- Dứt bốn lỗi: Như luận Bảo Tánh (quyển 6) nói:

Xiển-đề báng pháp làm chương Phật chân tịnh, vì đối trị nó nên nói Phật chân tịnh.

Ngoại đạo chấp ngã làm chương Phật chân ngã, vì đối trừ nó nên nói Phật chân ngã.

Thanh văn sợ khổ, làm chương Phật chân lạc, vì đối trừ nó nên nói Phật chân lạc.

Bích-chi-phật xả tâm, xả chúng sinh, vội cầu thủ lấy diệt, làm chương Phật chân thường, đối trừ nó nên nói Phật chân thường.

- Ngược bốn nhân: Như luận Bảo Tánh nói: Nhân có bốn thứ là: Tín tâm, Bát Nhã, Tam-muội, và Đại bi.

Dùng tu tín tâm đối trừ xiển-đề báng pháp ở trước, được chân tịnh của Phật.

Dùng tu Bát Nhã trừ ngoại đạo chấp ngã ở trên được chân ngã của Phật.

Dùng tu Tam- muội không định thâm sâu phá trừ tâm sợ khổ của Thanh văn, được chân lạc của Phật.

Dùng tu Đại bi thường tùy theo chúng sinh, đối trị tâm xả của Bích-chi ở trước được chân thường của Phật.

Nhân chia vô lượng, hãy chia theo ở đây.

Kiến lập như thế.

(2) Giải thích tên, nói về tướng:

Giải nghĩa Thường:

Thế hằng không thay đổi gọi là Thường. Lại nữa, tùy duyên hóa dụng không dứt cũng gọi là Thường. Như Kinh Niết-bàn nói: Như quạ và điều hâu cùng đậu trên một cây, như anh em thân thuộc, như thế là Niết-bàn vĩnh viễn. Như Lai xem tất cả chúng sinh giống như La-hầu-la, thường được chúng sinh tôn kính. Vì sao Niết-bàn vĩnh viễn? Các nghĩa như thế là dụng Thường.

Tướng trạng thế nào?

Thường có hai nghĩa: Vô vi và Bất biến, như kinh Niết-bàn nói: Vô vi chẳng sinh, bất biến chẳng diệt. Lại nữa, Vô vi là nói lìa Phần-dứt; bất biến là nói lìa biến dịch. Phân chia theo nghĩa, khai hợp không nhất định.

Chung có một là thường.

Có chỗ chia làm hai, hai có ba môn:

Pháp báo chia làm hai thể của Thường có hai:

1- Pháp. 2- Báo.

Như Kinh Niết-bàn nói: Pháp thường gọi là Thường, Báo thường gọi là Trụ. Pháp tánh từ vô thủ, hiển thành đức ngày nay gọi là Pháp thường. Phương tiện tu sinh hạnh đức hữu tác, nương chân chẳng hoại gọi là Báo thường. Như trong kinh nói: “Chỗ tu của chư Phật gọi là Pháp. Vì pháp Thường nên chư Phật cũng Thường” tức là nghĩa này.

Đầu cuối chia làm hai: Thường và Hằng.

Chẳng sinh gọi là Thường, chẳng diệt gọi là Hằng. Lại, trong Kinh nói: Phật là thường trụ, vô vi, bất biến. Vì bất sinh nên gọi là Vô vi. Do chẳng diệt nên gọi là Bất biến.

Y theo đối chia làm hai: Là phần dứt sinh, già, chết v.v...gọi là Thường. Là biến dịch sinh, trụ, diệt v.v... gọi là Thường.

Hoặc chia làm ba. Ba có ba môn:

- *Nói theo đức*: Nghĩa là thân thường, mạng thường và tài sản thường của Niết-bàn. Như Kinh Thắng-man nói: Bỏ thân vô thường được thân thường trụ không thể nghị bàn, gọi là Mạng thường. Bỏ tài sản vô thường, được tài sản công đức không thể nghị bàn, gọi là Tài sản thường, trong kinh nói đây là pháp vững chắc. Kiên (vững chắc) nghĩa là Thường.

- *Nói theo tướng*: Như Kinh Niết-bàn nói:

Không có tướng khác nhau: Ba quy y đồng thể nên không lia, không thoát gọi là Thường. Biến dịch thì vô thường, như cha mẹ của ông mỗi người khác nhau tức là vô Thường.

Không có tướng vô thường; Là sinh diệt nhỏ nhiệm.

Không có tướng biến dịch: Là phần dứt thô phù.

Đối với ba thứ Vô thường để chia ba loại, ba vô Thường là:

Phân đoạn vô thường: Quả báo trong sáu đường khác nhau. Ngược lại, nói Phật chân thường không sinh, già, chết.

Niệm vô thường: Niệm niệm sinh diệt, trái lại với nó, nên nói Phật chân thường không sinh, trụ, diệt.

Tự tánh bất thành vô thường: Hữu vi nhóm hợp lũng đối, không có thật tánh. Ngược lại nên nói Phật chân thường không có lũng đối.

Cũng được chia làm bốn: Không có các lỗi sinh, già, bệnh, chết. Lại, cũng được chia làm bốn là không có lỗi sinh, trụ, dị, diệt.

Cũng được nói năm: Thường là ấm (năm ấm).

Rộng thì vô lượng.

Hỏi: Vừa nói Niết-bàn đoạn đức, phương tiện xưa không nay có. Vì sao gọi là Thường?

Đáp: Lại kinh nói rằng: Từ nhân được pháp thì đều là vô thường. Quả Niết-bàn từ nhân mà được thì sao lại gọi là Thường? Lại, trong kinh nói: Dùng nhân trang nghiêm đều là vô thường Niết-bàn cũng như thế, nhờ vào vô lượng đạo phẩm, các hạnh trang nghiêm mà được, sao lại gọi là Thường? Trong kinh lại nói: Pháp có thể thấy đều là vô thường. Niết-bàn cũng như thế, theo duyên tu mà thấy, sao lại gọi là Thường? Trong kinh lại nói: Có danh để nói đều là vô thường, Niết-bàn có tên sao lại gọi là thường?

Nay đối lại để giải thích: Trước theo tánh tịnh để dứt vạ hỏi ở trước, sau là theo Phương tiện.

Tánh tịnh thế nào?

Niết-bàn dứt đức xưa không nay có gọi là vô thường. Phật tự giải thích rằng Đại Bát-niết-bàn xưa vốn tự có, không phải đến nay, mà chúng sinh dứt phiền não rồi, sau đó chứng được; được là xưa và nay mà thế thì xưa vốn tự có, nên gọi là Thường.

Từ nhân mà được gọi là vô thường. Phật tự giải thích: Niết-bàn chỉ từ liễu nhân mà hiển bày, chẳng phải sinh nhân sinh, chẳng phải tác nhân tạo, nên được gọi là Thường. Lại nữa, chẳng từ năm nhân mà thành nên gọi là Thường.

Năm nhân, như Kinh Niết-bàn nói là:

Nhân Sinh: Như các phiền não sinh khổ, vui v.v...

Nhân Hòa hợp: Như pháp thiện hòa hợp với tâm thiện. Tất cả như thế.

Luận Tỳ-đàm nói đây là nhân cộng hữu và nhân tương ưng. Giúp nhau để lập gọi là nhân Cộng hữu, giúp nhau có dụng công gọi là nhân Tương ưng.

Nhân Trụ: Như nhờ mặt đất mà các vật được an trụ. Tất cả như thế.

Nhân Tăng trưởng: Như nhờ ăn uống, chúng sinh lớn lên, nhờ cha mẹ mà con lớn lên, nhờ thiện tri thức mà hạnh được thêm lớn. Tất cả như thế.

Nhân Viễn: Như nhờ gặp thuốc, quỷ độc không hại, nương nhờ quốc vương giặc trộm không xâm lấn. Tất cả như thế.

Niết-bàn không nhờ năm nhân như trên cho nên được gọi là Thường.

Nhờ trang nghiêm gọi là vô thường. Phật tự giải thích: Thể của

Niết-bàn chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, thường trụ vô vi. Các chúng sinh nhờ trang nghiêm mà đến được Niết-bàn, không phải là Đại Niết-bàn nhờ trang nghiêm mới được thành lập, nên được gọi là Thường.

Có thể tu và thấy được gọi là vô thường. Nghĩa là chúng sinh vô minh che mờ tâm không thấy Niết-bàn. Sau dứt ám chướng mới thấy Niết-bàn, chẳng phải thấy rồi mới có. Như người chữa mắt mới thấy mặt trời, mặt trăng, chẳng phải mặt trời mặt trăng mới có, nên được gọi là Thường.

Có tên, gọi là vô thường. Phật tự giải thích: Niết-bàn không có tên mà đặt tên, nên được gọi là Thường. Niết-bàn không tên vì sao gượng lập? Vì muốn cầu biết.

Tánh tịnh như thế.

Nếu nói Phương tiện: Dứt lia pháp sinh tử vô thường nên dùng pháp tánh thường làm thể, cho nên là thường.

Nghĩa Thường như thế.

Giải thích nghĩa Vui:

Thể Niết-bàn vắng lặng, an ổn mãi mãi, gọi là Vui, lại dụng việc tự tại làm xứng hợp với tâm cũng gọi là Vui.

Phân biệt Vui theo nghĩa, một môn nói bốn, như kinh Niết-bàn nói: bốn thứ vui là:

1- Vui Dứt thọ. 2- Vui Vắng lặng, cũng gọi là tịch diệt.

3- Vui Giác biết. 4- Vui chẳng hoại lạc, cũng gọi là Vui Thường.

Dứt thọ: Năm thọ dứt xong gọi là Dứt thọ. Vì các khổ đều nhóm họp trong thọ, cho nên dứt thọ được gọi là Vui. Như trong Địa Trì nói định Diệt tận là Vui Dứt thọ, nay nói Niết-bàn là dứt thọ, Diệt tận chỉ tạm diệt còn ở đây dứt hẳn.

Hỏi: Kinh nói: diệt sắc vô thường được sắc Thường, thọ, tưởng, hành, thức, cũng giống như thế. Là diệt sắc khổ được sắc Vui, thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như thế, thế thì Niết-bàn có đủ thọ Vui, sao gọi là dứt.

Đáp: Kinh nói Dứt thọ Vui là dứt lia thọ phân biệt, thọ chấp tướng, thọ điên đảo của phàm phu; chẳng phải không có chánh thọ chứng pháp bình đẳng nên có thọ ấm, cũng có thọ Vui. Các ấm khác cũng như vậy.

Vui Vắng lặng: Vì diệt phiền não, vì không tạo nghiệp, vì dứt sinh tử gọi là Vắng lặng. Lại, dứt tất cả việc làm cũng gọi là Vắng lặng. Chẳng vắng thì khổ, lặng gọi là vui. Do dứt các lỗi nên lại còn là Vui Vắng lặng.

Vui Giác biết: Chiếu đạt các pháp gọi là Giác biết. Ngu tối thì khổ, giác biết gọi là Vui.

Vui Bất hoại: Đức thể bền chắc không bị duyên xúc não gọi là Bất hoại. Phá hoại thì khổ cho nên không hoại được gọi là Vui. Vì bất hoại nên cũng gọi là Thường Vui.

Trong bốn thứ Vui này, chia tướng để nói:

Vắng lặng là Vui Niết-bàn.

Dứt thọ là Vui diệt-định.

Giác biết là Vui Trí-tuệ Bồ-đề.

Bất hoại là Thường.

Ở đây y cứ nhiếp tướng nói chung là Vui Niết-bàn.

Giải nghĩa ngã. Ngã có hai loại:

Theo thể tự thật gọi là Ngã, như kinh Niết-bàn (quyển 2) trong phẩm Ai Thán nói: Là chân, là thật, là chủ, là y. Thường bất biến, đó gọi là Ngã.

Theo nhân: Tự tại gọi là Ngã, như Kinh Niết-bàn (quyển 23) Công đức đầu tiên nói, có tám thứ Tự tại:

- Tự tại nhiều ít: Tự tập một thân làm nhiều thân, thân số nhiều ít, thân lớn nhỏ giống như cát bụi đầy dẫy vô lượng thế giới trong mười phương. Thân Như Lai thật chẳng phải cát bụi, vì tự tại nên hiện thân nhiều như cát bụi.

- Tự tại Sung mãn: Cũng được gọi là Đại tiểu tự tại, trong một thân nhỏ như hạt bụi, đầy khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Thân Phật Vô biên, thật ra không đầy khắp đại thiên thế giới. Vì tự tại nên hiện đầy thế giới đại thiên.

- Tự tại nhẹ nhàng: Dùng thân đầy khắp Tam thiên Đại thiên nhẹ nhàng bay lên hư không, qua vô lượng cõi mà không chướng ngại, thân Như Lai thật ra không nặng nhẹ, vì tự tại nên có thể nặng hay nhẹ.

- Tự tại Tự: Cũng gọi là tự tại Sở tác. Trong đây có ba:

Như Lai tâm an trụ bất động, hóa thành vô lượng thân, mỗi thân đều có tâm.

Làm một việc mà khiến chúng sinh mỗi người biện luận khác khác.

Trụ một cõi mà có khả năng khiến cõi khác tất cả đều thấy.

Đủ ba loại này gọi là Tự tại.

- Tự tại Căn: Chỉ một căn mà Như Lai thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, phân biệt vị, giác xúc, biết pháp (sáu căn sử dụng lẫn nhau).

- Tự tại Tri pháp: Được tất cả pháp mà không có tướng được.

- Thuyết tự tại: Như Lai giảng nói nghĩa của một bài kệ, trải qua vô lượng kiếp mà nghĩa vẫn không hết. Là giới, định v.v... tuy có chỗ nói mà không sinh ý tưởng nói.

- Biến mãn tự tại: Thân Như Lai ở cùng khắp tất cả mọi nơi như hư không, không thể thấy được.

Đủ tám loại như thế gọi là Ngã.

Giải nghĩa tịnh: Thể không cấu nhiễm gọi là Tịnh. Lại nữa, tùy chỗ hóa hiện duyên không ô nhiễm cũng gọi là Tịnh. Nghĩa tịnh khác nhau, một môn nói bốn, bốn có hai môn:

Như Kinh Niết-bàn nói, bốn tên là gì?

Quả tịnh: Dứt hẳn quả hai mươi lăm cõi.

Nghiệp tịnh: Cũng gọi là Nhân tịnh, lìa tất cả nghiệp phàm phu.

Thân tịnh: Xa lìa sinh diệt, thường trụ bất biến.

Tâm định: Lìa hẳn các lậu.

Hai loại này là Hạnh đức.

Như Địa Trì nói:

- Thân tịnh: Thân huân tập phiền não, xa lìa không còn sót; được thân tối thượng, sinh diệt tự tại gọi là Thân tịnh. Thân huân tập phiền não, xa lìa không sót, được thân tối thượng là thân thể tịnh. Sinh diệt tự tại là thân dụng tịnh.

- Cảnh giới tịnh: Mọi thứ hóa hiện, nói năng, tất cả cảnh giới tự tại vô ngại gọi là Cảnh giới tịnh. Mọi thứ hóa hiện là Thân cảnh giới. Và nói năng là Khẩu cảnh giới. Lại nữa các thứ cảnh hóa hiện là Sự cảnh giới. Và nói năng, tất cả cảnh, là Pháp cảnh giới. Ở trong đó tự tại gọi là Cảnh giới tịnh.

- Tâm tịnh: Phiền não đều dứt, gốc lành thành tựu. Phiền não đều dứt là Bốn trụ mất hẳn. Gốc lành thành tựu là công đức đầy đủ. Công đức nương vào tâm, theo chủ để hiển rõ nên gọi là Tâm tịnh.

- Trí tịnh: Xa lìa tất cả vô minh ô uế tất cả hiểu biết tự tại vô ngại. Xa lìa tất cả vô minh ô uế là lìa vô minh địa, chân đế trí tịnh. Tất cả hiểu biết tự tại vô ngại là trừ sự vô tri chân đế trí tịnh.

Đủ bốn loại này gọi là Tịnh.

(3) Nói về đồng khác: Theo thật, bốn loại này chung khắp các đức, gọi là Đồng. Đối với các đức không đối gọi là Thường. Yên lặng gọi là Lạc. Tự thật gọi là Ngã, lại dụng tự tại cũng gọi là Ngã. Lìa cấu gọi là Tịnh. Nghĩa đồng như thế.

Chỗ khác nhau là nói theo ẩn hiển, bốn đức khác nhau gọi là Dị. Như chương Ai Thán trong Kinh Niết-bàn nói: Ngã nghĩa là Phật, Thường

nghĩa là Pháp thân, Lạc nghĩa là Niết-bàn, Tịnh nghĩa là Pháp.

Trong bốn loại này, ngã đầu tiên là phân biệt theo người, ba loại sau theo pháp. Vì sao? Vì Phật là người, tác dụng tự tại hiển ở tướng người nên chỉ y theo Phật nói về nghĩa Ngã. Lại, Phật ra khỏi chướng, tướng tự tại hiển bày nên theo đó nói ngã. Lại ngã là tên khác của người, nên nói theo Phật.

Pháp thân Phật thể thể không biến động, Nói về nghĩa Thường hiển bày nên y theo Pháp thân mà nói về nghĩa Thường. Lại nữa, hiển ở pháp tánh vô thỉ để thành tựu thân, nên Nói về nghĩa Thường hiển, nên nói là Thường.

Niết-bàn an ổn vắng lặng, dứt hẳn các khổ, Nói về nghĩa lạc hiển bày nên nói theo là lạc.

Tịnh là Pháp bảo, pháp là diệu tông, trị được nhiễm nhỏ, nêu nghĩa Tịnh hiển nên chỉ y theo pháp mà nói nghĩa là Tịnh.

Bốn nghĩa Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đã như thế. Bốn nghĩa đối lại là Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh cũng vậy. Chung thì tất cả pháp hữu vi đều Vô thường, Khổ, Vô ngã, Bất tịnh. Theo tướng chia ra bốn loại khác nhau. Như chương Ai Thán trong Kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 2) nói:

Vô ngã: Là phàm phu sinh tử. Phàm phu sinh tử rong ruổi trong sáu đường, qua lại thọ thân không được tự tại, tướng Vô ngã hiển bày nên theo đó nói vô ngã.

Vô thường: Là Thanh văn Duyên giác. Thanh văn Duyên giác không bao lâu diệt tận, tướng vô thường hiển, nên y theo đó nói vô thường. Lại nữa, pháp Nhị thừa được không tột cùng, không trọn vẹn, rốt cuộc phải đời chuyển nên gọi là Vô thường.

Khổ: Là ngoại đạo. Ngoại đạo tà kiến tu nhiều thứ khổ hạnh, vị lai chịu báo quả khổ. Nhân quả đều khổ. Vì tướng khổ hiển nên y theo đó nói về nghĩa khổ.

Bất tịnh: Là tất cả pháp hữu vi. Pháp hữu vi tâm nhiễm ô khởi sinh ra hoặc nhiễm, nghĩa bất tịnh hiển, nên y theo nó nói Bất tịnh.

Nếu nói theo năm ấm ẩn hiển thì trong pháp sinh tử quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Ngược lại bốn điều này, trong ấm của quả Phật cũng nên phân biệt: Thân Phật gọi là Tịnh, thọ của Phật là lạc, tâm Phật là Thường, pháp Phật là ngã, đây cũng là một loại phân biệt.

Đồng khác như thế.

(4) *Nói về chung và riêng*: Trong đó theo nhân quả, Bồ-tát Thập

địa gọi là nhân, Phật là quả. Nương vào nghĩa đồng vừa rồi thì Thường-Lạc- Ngã- Tịnh chung khắp các đức. Vì chung khắp nên nhân quả đều đủ. Nương vào nghĩa dị ở trên thì Thường- Lạc- Ngã- Tịnh mỗi thứ khác nhau. Vì khác nhau nên nhân quả không bằng nhau.

Có thông, có cuộc nghĩa này thế nào?

Tịnh: Là nghĩa pháp bảo. Pháp nghĩa đều thông, trên dưới đồng nương. Vì thế nghĩa tịnh khắp hết đầu cuối, nên Kinh Niết-bàn (quyển 34) nói rằng: Địa thượng có hai thứ năm loại, hai thứ sáu loại, một thứ bảy loại. Trong Phật tánh đều có Tịnh.

Thường: Là nghĩa Pháp thân. Hiển pháp thành thân gọi là Pháp thân. Nói chung theo thật thì Sơ địa trở lên đều hiển bày pháp thành thân, nên đều gọi là Thường. Phân chia theo tướng thì Thập địa trở lên mất thấy Phật tánh hiển pháp thành thân, Nói về nghĩa Thường hiển. Nên Thập địa trở lên nói về nghĩa Thường. Bồ-tát Cửu địa tuy chưa mất thấy mà trong nghe thấy chiếu cùng tột thật rõ ràng, pháp tánh vô thỉ hiện tại tâm quán gọi là Thân, cũng gọi là Thường. Bát địa trở xuống nghe thấy không rõ, pháp chưa hiện ở tâm, chưa nói là thân, nên không gọi là Thường. Nên Kinh Niết-bàn chép: Trên Cửu địa có hai thứ sáu loại, một thứ bảy loại. Trong Phật tánh đều có Thường, ngoài ra đều không nói.

Ngã: Nghĩa là Phật, chỉ hạn cuộc ở Phật, vì Phật ra khỏi chướng được tự tại.

Lạc: Nghĩa là Niết-bàn, nói theo tướng chung thì trong Bồ-tát đạo, dứt phiền não, từng phần đắc Niết-bàn, từng phần đó đều có lạc. Nói theo chia tướng thì trong Bồ-tát địa tuy dứt phiền não mà không gọi là Niết-bàn. Chư Phật Như Lai không sinh phiền não mới gọi là Niết-bàn. Như Kinh Niết-bàn nói. Vì Niết-bàn nghiêng về Phật nên lạc chỉ ở tại Phật. Nên Kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 34) nói rằng Như Lai trong bảy chủng tánh có ngã, có lạc, trong nhân đều không.

Hỏi: Nếu như Tịnh chung cả đầu cuối, nghĩa Thường ở tại Cửu địa trở lên; hai loại ngã, lạc chỉ ở tại Phật. Vì sao kinh nói Bồ-tát Thập Trụ không thấy Phật tánh, dứt phiền não. Nên Niết-bàn có được chỉ có Lạc - Tịnh không có Ngã - Thường?

Đáp: Lạc là nghĩa Niết-bàn. Văn kia tướng chung nói Bồ-tát địa có nghĩa dứt phiền não, được Niết-bàn, nên nói là lạc. Thường là nghĩa Pháp thân. Văn kia nói rằng Bồ-tát Thập Trụ chẳng thấy Phật tánh mà dứt phiền não nên không có Pháp thân. Vì không có Pháp thân nên không nói có thường.

Hỏi: Vì sao trước nói Thập trụ thấy tánh, có thường, văn này lại nói không thấy, vô thường?

Đáp: Thập Trụ hình trước thấy tánh nên nói có thường, so với sau không thấy nên nói vô thường. Ẩn hiển như thế không thể trách cứ.

Hỏi: Ở trong năm, sáu, bảy loại Phật tánh kia Thường - Lạc - Ngã - Tịnh ẩn hiển thì được. Còn nghĩa khác thế nào?

Đáp: Ở trong bảy loại tánh kia, Thường - Lạc - Ngã - Tịnh đã nói như trên. Chân-Thật và Thiện cũng có thông, cuộc. Chia tướng để nói thì hai loại Chân - Thật là nghĩa Thật đế. Lý Thật đế thông nên trong năm, sáu, bảy loại tánh kia tất cả đều có. Thiện là nghĩa Thánh đạo. Ngũ địa trở lại Tuệ quán chưa sáng, phá tướng không cùng cực, đối trị mạn chưa hết gọi là Thiện bất thiện. Lục địa trở lên Bát-nhã tăng Thượng, quán Không rốt ráo, trị mạn cùng tận nên chỉ gọi là Thiện. Vì có nghĩa ẩn hiển như thế cho nên Phật tánh Như Lai nói có bảy loại: Thường - Lạc - Ngã - Tịnh - Chân - Thật và Thiện. Hậu thân nói sáu: Thường - Tịnh - Chân - Thật - Thiện và Thiếu kiến. Cửu Địa nói sáu: Thường - Tịnh - Chân - Thật - Thiện và Khả kiến. Bát địa đến Lục địa nói năm loại: Chân - Thật - Tịnh - Thiện và Khả kiến. Ngũ địa đến Sơ địa nói năm loại: Chân, Thật, Khả kiến, Tịnh, Thiện bất thiện. Ở trong môn này nói khả kiến là phân biệt chân khác vọng. Vọng tình chấp về ngã, chúng sinh v.v... phát ra xuất từ tâm điên đảo, truy tới cùng thì hết sạch, do đó không thấy được. Phật tánh chân thật có nghiên cứu thì sáng do đó có thể thấy. Lại muốn phân biệt với cái có của hư không kia nên gọi là Khả kiến. Nên kinh nói rằng: Phật tánh tuy có mà khác với hư không. Hư không tuy dùng vô lượng phương tiện cũng không thể thấy được, Phật tánh thì có thể thấy. Trong đây chính là Nói về nghĩa thông - cuộc của Thường- Lạc- Ngã- Tịnh, ngoài ra là nói thêm.

Chung và riêng như thế.

(5) *Theo Đại - Tiểu Nói về đủ - chẳng đủ*: Niết-bàn Đại thừa đủ bốn nghĩa, đã giải thích như trên. Niết-bàn Tiểu thừa bốn nghĩa không nhất định.

Y theo Tiểu thừa để nói về Tiểu thừa; Niết-bàn Tiểu thừa có Thường, Lạc, Tịnh chỉ không có ngã. Vì sao? Niết-bàn vô vi bốn tướng không đời đổi nên nói là Thường. Lại nữa, chỗ dứt diệt hẳn không khởi nên cũng gọi là Thường, vắng lặng hằng an ổn nên kể đó gọi là Lạc, lìa hẳn nhiễm nhơ nên gọi là Tịnh. Niết-bàn Tiểu thừa lấy không làm thể, chưa chứng có tánh nên không gọi là Ngã. Trong Niết-bàn kia thân trí đều mất, dụng không tự tại nên không gọi là Ngã.

Hỏi: Trong đức đầu tiên của kinh Niết-bàn nói: Người Thanh văn nói Phật Niết-bàn chỉ có Thường- Tĩnh mà không có Ngã- Lạc gọi là Phiền não tập. Người Thanh văn kia tự thấy Niết-bàn có Thường- Lạc. Vì sao nói Phật Niết-bàn?

Đáp: Thanh văn tự thấy Niết-bàn có vui Vắng lặng, so với Phật cũng thế. Nói theo đó thì, không nói Như Lai Niết-bàn không có vui. Nhưng trong Tự thấy Niết-bàn kia, thân trí mất hẳn, không giác biết vui, nói Phật cũng không nên nói không vui.

Y theo Tiểu thừa để nói Tiểu thừa nên nghĩa là như thế.

Theo Đại thừa nói nghĩa Tiểu thì không cố định.

Có lúc toàn đoạt: Bốn nghĩa đều không, nên trong đức đầu tiên của kinh Niết-bàn nói: Người Thanh văn sở đắc vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, cho nên không được gọi là Đại Niết-bàn. Chư Phật Niết-bàn là Thường - Lạc - Ngã - Tĩnh, nên được gọi là Đại. Trong môn này, Thanh văn sở đắc ít nên gọi là Không có (vô), như sông ít nước gọi là không có nước. Lại đắc cũng chẳng phải chân thật nên cũng gọi là Không có, như được vật luống dối thì chẳng gọi là phi vật.

Như Lai có khi lại tùy trường hợp khác nhau để đoạt, nói rằng Niết-bàn mà Nhị thừa đắc chỉ có Lạc - Tĩnh mà không có Ngã - Thường. Như Đức thứ bảy trong kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 25) nói: Thanh văn Duyên giác vì đắc tám Thánh Đạo vô lậu nên có Lạc- Tĩnh. Lại diệt hoặc nhân nên có Tĩnh, lia khổ phân đoạn nên có Lạc. Tiểu Niết-bàn kia thể không chân thật, dụng không tự tại, nên không gọi là Ngã. Thân trí diệt rồi sẽ sinh trở lại nên không gọi là Thường.

Hỏi: Thân trí đã diệt rồi, do đâu sinh trở lại?

Đáp: Kia sinh tức là quả biến dịch, do nghiệp nhân vô lậu đã tu ngày xưa, vô minh làm duyên có thể lại sinh. Vô minh duyên là lúc nhập Niết-bàn vẫn còn vọng tâm thức. bảy thức tâm Vọng là đất Vô minh. Vì vọng tâm này không dứt nên nương theo đó mà báo khởi lên. Như nương tâm ngủ mà thân trong mộng sinh.

Hỏi: Niết-bàn Thanh văn sở đắc diệt rồi, thân trí lại sinh nữa thì phiền não đã diệt lẽ ra cũng khởi lên?

Đáp: Không đúng. Phiền não vì thấy lý nên diệt, nhị thừa sau khi Niết-bàn vô dư, lúc tâm tưởng sinh thì cũng thấy lý. Cho nên phiền não đã dứt ngày xưa không sinh trở lại nữa. Chỗ chưa dứt thì sau hiện khởi được. Thân trí vốn không phải lý dứt diệt. Chỉ là dứt diệt, không phải trí diệt nên sau sinh khởi được. Lại nữa, Niết-bàn mà Nhị thừa đắc, thể không rốt ráo. Cuối cùng phải di chuyển, hướng về Đại thừa, nên không

gọi là Thường.

Hỏi: Nếu sau phải dời đổi nên không gọi là Thường, lẽ ra cũng không được gọi là Lạc, là Tịnh. Có sao gọi đó là Lạc - Tịnh?

Đáp: Lý lẽ ra như nhau, nghĩa bằng như trên, nhưng Lạc và Tịnh không phải nghĩa thường hằng quyết định, nên ở chỗ đặc tùy phần mà nói. Thường nghĩa là định, đầu cuối không dời đổi phương tiện gọi là Thường. Kia cuối cùng hưởng Đại thừa, không phải cố định hẳn nên không gọi là Thường.

Tướng Đại - Tiểu đối nhau nói về có chẳng có, sơ lược như thế.

Kế nói thêm năm: Thường - Lạc - Ngã - Tịnh và Hữu. Ngược lại với sinh tử Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã, Bất tịnh mà nói năm loại này. Ngược với không nói Hữu (có), nghĩa khác có thể biết.

Hỏi: Không và Vô ngã có gì khác nhau mà phải lập riêng?

Đáp: Theo kinh Duy-ma: Chúng sinh không gọi là Vô ngã. Pháp thể không gọi thẳng là Không, nên kinh ấy nói: chúng sinh là đạo tràng, biết là Vô ngã. Tất cả pháp là đạo tràng, biết các pháp không. Nay đối với hai loại này, nên theo Niết-bàn nói Ngã gọi là Hữu, đối với chúng sinh vô ngã trong sinh tử nói Phật chân nhân là Ngã. Ngã là tên khác của người. Nên nói theo đó, đối với pháp thể không trong sinh tử, nói pháp Niết-bàn cho đây là hữu. Lại pháp sinh tử thể luống đối không thật, gọi đó là không. Dụng không tự tại gọi là Vô ngã. Trái với hai loại này nên trong Niết-bàn nói Ngã nói Hữu. Thể thật chẳng phải không, gọi đó là Hữu. Dụng tự tại gọi là Ngã.

Kế nói thêm sáu loại: Năm loại trước thêm Thiện.

Hoặc chia làm tám: Như kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 25. Bản Nam, quyển 23) nói:

Tận: Tận như Diệt, diệt hết các lỗi nên gọi là Tận.

Thiện tánh: Lìa ác gọi là Thiện, lại có thể thuận ích cũng gọi là Thiện

Thật: Lìa cảnh luống dối.

Chân: Bỏ hết vọng tình. Lại, lìa bốn điên đảo gọi là Thật, ra khỏi tâm - tưởng - kiến, ba điên đảo luống dối gọi là Chân.

e. Thường, lạc, ngã, tịnh.

Nghĩa như trên đã giải thích.

Hỏi: Niết-bàn Như Lai như thế, Niết-bàn Nhị thừa thì thế nào?

Đáp: Trong Kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 23) có đủ sáu tướng:

Giải thoát vì lìa các khổ.

Thiện tánh vì theo lợi thuận ích.

Bất thật, Bất chân:

Phật tự giải thích: Chưa được Bồ-đề nên gọi là bất thật, vì không thật nên gọi là bất chân.

Lạc, Tĩnh:

Phật tự giải thích: Vì tu Tám chánh đạo vô lậu nên gọi là Lạc, là Tĩnh.

Cũng được nói tám: Sáu loại như trên, thêm Vô thường và Vô ngã, công với trước là tám.

Phật tự giải thích: Sẽ được Bồ-đề nên gọi là Vô thường. Nghĩa Vô ngã như trên đã giải thích.

Hỏi: Niết-bàn Hiền Thánh như thế. Niết-bàn phàm phu có nghĩa thế nào?

Đáp: Trong Kinh Niết-bàn nói đủ tám tướng, thế nào là Niết-bàn phàm phu? Kinh nói: Chúng sinh nương đạo của thế tục dứt phiền não là Niết-bàn, tám tướng là:

Giải thoát vì lìa phiền não.

Thiện tánh vì trái với các điều ác, thuận với lợi ích.

Bất thật, Bất chân:

Phật tự giải thích: Vì vô thường nên không chân, không thật.

Vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh:

Phật tự giải thích: Phiền não đã dứt vì lìa khởi nên vô thường, vô lạc, vô ngã vô tịnh.

Cũng được nói chín: Trên tám thứ trước, thêm Hữu.

Cũng được nói mười: Là lìa mười tướng. Mười tướng là tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, tướng sinh, trụ, diệt, tướng nam, tướng nữ. Cộng với trước nói là mười. Trong mười thì năm thứ trước là tướng năm trần, kế là ba pháp bậc. Tám pháp tướng này, hai loại sau là nhân tướng. Niết-bàn dứt mười thứ này nên nói là mười.

Cũng được chia làm mười ba: Lìa mười tướng trước và thêm lìa khổ, vui, chẳng khổ, chẳng vui, nên có mười ba. Như phẩm Thánh Hạnh trong Kinh Niết-bàn nói.

Y theo biệt chia kỹ cũng thành vô lượng. Nên kinh nói rằng: Đối với một danh pháp nói vô lượng tên, đối với một nghĩa nói vô lượng nghĩa.

Tướng riêng như thế.

- PHÂN BIỆT TẠP NGHĨA

Trong đây có bảy môn:

- 1- Phân biệt Hữu - Vô.
- 2- Phân biệt Thông - Cuộc.
- 3- Phân biệt Đại - Tiểu.
- 4- Phân biệt theo vị.
- 5- Phân biệt theo thời.
6. Sinh tử - Niết-bàn thể một và khác.
7. Chư Phật - Niết-bàn thể một và khác.

1. Nói về nghĩa Có - Không:

Trong đây y theo Tánh tịnh, Phương tiện, Ứng hóa Niết-bàn để nói về Có - Không.

Tánh tịnh Niết-bàn nói về Có, nói về Không:

Có: Là tâm thể của chân thức, là tánh của tất cả công đức. Trong Luận Khởi Tín nói là pháp tất cả tánh công đức. Kinh Thắng-man nói pháp nhiều hơn số cát sông Hằng. Tâm vọng kia ẩn gọi là Phật tánh, cũng gọi là Pháp tánh, vọng dứt thể hiển gọi đó là Nhất thiết xứng đức, gọi là Có.

Không: Là lìa tướng, lìa tánh. Lìa tướng là chứng thật, so trở lại do lai (gốc gác) không vọng. Vì không vọng nhiễm để trừ diệt, cũng không có tịnh tướng đối trị để sinh. Cả hai nhiễm tịnh đều mất nên gọi là không đối. Tướng nhiễm đã không, tướng tịnh cũng không. Cả hai nhiễm tịnh đều mất gọi là Lìa tướng. Lìa tánh thì như trên đã giải thích. Trong Đại Niết-bàn, pháp giới đồng thể nên không có một pháp giữ tự tánh riêng.

Theo phương tiện nói về minh Có, Không:

Có: Đây đủ hai thứ phước trí trang nghiêm gọi là Có, lại có Pháp thân, Giải thoát, Bát nhã cũng gọi là Có.

Không: Dứt phiền não khổ, dứt đức vô vi gọi là Không.

2. Theo Ứng - Hóa nói về Có, nói về Không: Ứng hóa Niết-bàn có thông, có cuộc.

Nói về Chung: Nương Đại Niết-bàn khởi nghĩa dụng, bất luận dụng, trái, thuận, nhiễm, tịnh, tất cả đều gọi là Ứng hóa Niết-bàn. Trong Niết-bàn này vừa Có, vừa Không. Hiện dứt phiền não, hiện diệt thân trí gọi là Không. Ngoài ra đều là Có.

Nếu nói chia theo tướng: Nương Đại Niết-bàn mà khởi, trong nghĩa có đủ tất cả dụng. Trong đây, chia lấy hiện dứt phiền não, hiện quên thân trí là Ứng Niết-bàn. Ngoài ra tùy nghĩa lại có tên khác. Nếu theo

nghĩa này thì Ứng hóa Niết-bàn chỉ là Không, chẳng phải Có.

Có không như thế.

Nói về chung-riêng: Trong đây là nói theo năm bậc: Phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát và Phật. Ở đây chung riêng có bốn:

Nói về Cực chung: Năm hạng người này đều có Niết-bàn, như kinh Niết-bàn nói: Các phàm phu nương sáu hạnh dứt kiết của đạo thế tục gọi là Phàm Niết-bàn. Lại, như kinh nói: Được ăn cơm ít gọi là Niết-bàn v.v... Hai loại này là Niết-bàn Phàm phu.

Tu Tám chánh đạo dứt diệt Bốn trụ đắc Niết-bàn gọi là Niết-bàn Thanh văn, Duyên giác.

Tu trụ dứt trừ vô minh địa v.v...gọi đó là Niết-bàn Bồ tát.

Chứng pháp vốn vắng lặng, xưa nay chẳng sinh, nay cũng chẳng diệt là Niết-bàn Phật.

Phân biệt Thánh khác phàm: Thánh có, phàm không, như Địa kinh nói: Trong Ba thừa quyết định có Niết-bàn gọi là Chánh định. Ngoài phàm quyết định không, gọi là Tà định. Ba thừa nội phàm so trước gọi là Có, so sau gọi là Không, đó là Bất định.

Phân biệt Đại khác Tiểu: Đại có, Tiểu không. Trong pháp Đại thừa thật có Niết-bàn. Trong pháp Tiểu thừa, Quyền thì có, Thật thì không. Nên Kinh Thắng-man nói: A-la-hán, Bích-chi-phật v.v... được Niết-bàn là phương tiện của Phật. Biết rõ thật không. Lại, kinh ấy nói: A-la-hán v.v... cách Niết-bàn còn xa. Biết rõ thật không. Lại, Kinh Niết-bàn nói: Nếu đời không có Phật, chẳng phải không có Nhị thừa đắc hai Niết-bàn. Tất cả thế gian chỉ có một Phật thừa, lại không có Nhị thừa được Niết-bàn riêng. Nên biết thật không. Kinh nói: Bồ tát trụ Đại Niết-bàn, chư Phật cũng vậy, biết rõ Đại thừa có.

Phân biệt quả khác nhân: Chỉ một mình Phật được Niết-bàn. Ngoài ra đều không. Như Kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 25; Bản Nam quyển 23) nói. Nên trong công đức thứ bảy kia nói: Bồ-tát dù dứt phiền não không gọi là Niết-bàn; không sinh phiền não mới gọi Niết-bàn, cho nên Niết-bàn Phật mới có.

Hỏi: Vì sao dứt phiền não không gọi là Niết-bàn, không sinh phiền não mới gọi là Niết-bàn?

Phật tự giải thích: Nghĩa Niết là không, nghĩa Bàn là sinh. Chư Phật, Như Lai không sinh phiền não xứng hợp với nghĩa bất sinh của Niết-bàn nên Phật có. Bồ tát tuy dứt trừ phiền não mà không tương đương với nghĩa bất sinh của Niết-bàn, vì thế nói là không.

Hỏi: Vì sao Bồ tát dứt kiết không gọi là Bất sinh? chư Phật dứt

kiết mới gọi là Bất sinh?

Đáp: Có ba giải thích:

Nói theo hoặc: Bồ tát tuy chia đứt kiết mà đứt không hết. Tàn kiết, khách sử còn khởi nên chẳng phải Bất sinh. Phật đã đứt sạch không còn khởi được nữa nên nói Bất sinh.

Giải thích theo tâm: Bồ tát tuy đứt phiền não mà còn bảy thức tâm, tâm tánh sinh diệt nên chẳng phải Bất sinh. Phật đứt phiền não, vọng tâm cũng hết, chân tâm thường tịch nên gọi là Bất sinh.

Giải thích theo lý: Bồ tát thấy có phiền não để đứt. Chẳng phải vốn không khởi nên chẳng phải Bất sinh. Chư Phật chứng thật tột cùng, đạt vọng vốn không, không có hoặc để khởi cũng không thể đứt nên nói Bất sinh. Nên Kinh nói: Pháp vốn không cháy, nay cũng chẳng tắt, là nghĩa vắng lặng, đủ ba nghĩa này chỉ Phật mới có, người khác thì không.

Hỏi: Chẳng sinh riêng ở Như Lai, thế thì Niết-bàn chỉ nên ở tại Phật, vì sao trước nói Bồ tát cũng có?

Đáp: Giải nghĩa có chung, có riêng. Nói chung thì Niết-bàn gọi là Diệt. Bồ tát dứt kiết tức là nghĩa diệt, nên nói có chung. Cuộc thì không có, Niết-bàn Nghĩa là vắng lặng, chẳng sinh chẳng dứt mới là vắng lặng; nên chỉ Phật mới có. Có khởi, có dứt náo động không tịch lặng nên nói là không.

Hỏi: Chung thì Niết-bàn gọi là Diệt, được thông với Bồ tát, Nhị thừa. Cũng diệt phiền não thông thì phải ngang nhau. Vì sao phần phân biệt Đại khác Tiểu ở trên lại không chung với Nhị thừa?

Đáp: Trong diệt, nghĩa có chung, có riêng. Chung thì tất cả có, Diệt thì đều gọi là Niết-bàn, nên trước nói chung Nhị thừa cũng có. Cuộc thì dứt hoặc, biện dứt duyên trị, được thật chẳng động, mới gọi là Niết-bàn. Nên nói Đại thừa có. Người Nhị thừa tuy dứt kiết chút ít, chưa diệt duyên trị, chẳng được pháp thật nên nói không có.

Hỏi: Theo chung thì cái gì diệt đều gọi là Niết-bàn, được chung với Nhị thừa, phạm phu. Cũng diệt phiền não thông thì lẽ ra tốt. Vì sao ở phần phân biệt Thánh khác phạm ở trước không chung với phạm phu?

Đáp: Nghĩa này cũng có chung, riêng. Trước thì tất cả có chỗ diệt đều gọi là Niết-bàn. Nên trước nói chung phạm phu cũng có, cuộc thì diệt hẳn mới gọi là Niết-bàn, nên nói Thánh mới có; phạm phu tạm diệt chẳng phải diệt độ hẳn, nên nói không có.

Chung- riêng như thế.

3. Nói về Đại - Tiểu: Lại nói theo phàm phu, Nhị thừa, Bồ tát và Phật, ở đây chia ra làm ba:

Phân biệt Thánh khác phàm: Niết-bàn phàm phu gọi là Tiểu. Niết-bàn Thánh Hiền đều gọi là Đại. Thánh là Đại nhân, sở đắc của Đại nhân gọi là Đại. Lại nữa, theo một Đại Niết-bàn ấy chia làm ba thừa. Dùng gốc thu ngọn nên đều gọi là Đại. Kinh nói rằng: Đại thừa sinh ra tất cả Thanh văn Duyên giác. Kinh lại nói rằng: Hạnh thực hành của các thầy là đạo Bồ tát như thế v.v...

Phân biệt Đại khác Tiểu: Sở đắc của phàm phu, Nhị thừa gọi là Tiểu. Niết-bàn của chư Phật Bồ tát gọi là Đại. Cho nên trong kinh nói: Bồ tát trụ Đại Niết-bàn. Sở đắc Nhị thừa là thừa xả Bi nguyện, chẳng thể làm lợi ích rộng lớn cho tất cả chúng sinh, nên gọi là Tiểu. Lại chưa chứng được, chưa đắc pháp môn Tam-muội Duyên khởi, kiến lập nghĩa Đại, nên gọi là Tiểu. Chư Phật, Bồ tát có thể đắc Niết-bàn chẳng bỏ bi nguyện, lợi ích rộng lớn cho chúng sinh, nên gọi là Đại. Địa Luận nói: Chẳng xả Đại bi, dùng năng lực đại nguyện Đại Niết-bàn thị hiện. Lại, Phật, Bồ tát chứng pháp thật tánh. Vì năng lực pháp môn duyên khởi này có thể lập nghĩa Đại, không việc gì chẳng làm được nên gọi là Đại.

Phân biệt quả khác nhân: Chỉ có Niết-bàn của Phật gọi là Đại, ngoài ra đều gọi là Tiểu. Như trong đức thứ bảy ở kinh Niết-bàn có giải thích rộng. Kinh (Bản Bắc Niết-bàn, quyển 25, Bản Nam, quyển 23) nói: Bồ tát chẳng thấy Phật tánh dứt phiền não nên chỗ đắc Niết-bàn chỉ có Lạc - Tịnh mà không có Ngã - Thường, nên không gọi là Đại. Chư Phật thấy tánh mà dứt phiền não được Niết-bàn Thường - Lạc - Ngã - Tịnh nên gọi là Đại. Bồ tát tùy phần cũng thấy tánh chút ít, đối với chỗ thấy biết của Phật vẫn chưa hiểu rõ ràng, nên nói không thấy. Có dứt phiền não nên nói là Tịnh, phần được Niết-bàn nên nói là Lạc. Thường nghĩa là Pháp thân, do không thấy tánh, không hiển thành thân nên không gọi là Thường. Ngã nghĩa là Phật, kia chưa là Phật, không có tám tự tại nên không gọi là Ngã, cho nên thuộc về Tiểu. Phật khác nhau với ở đây, do đó là Đại.

Đại - Tiểu như thế.

4. Nói theo vị:

Trong pháp Tiểu thừa chia làm ba vị:

Vị phàm: Ở trước Kiến đạo, có Niết-bàn do đẳng trí dứt kiết.

Vị Thánh: Từ Kiến đạo trở lên, có Niết-bàn do vô lậu dứt kiết mà

chưa đầy đủ.

Vị vô học: Có Niết-bàn vô lậu dứt kiết, rốt ráo thành tựu tốt đẹp.

Trong pháp Đại thừa chia làm năm vị:

- Vị ngoại phạm Thường đấm chìm: Có được Niết-bàn do đấng trí dứt kiết. Như Kinh Niết-bàn (Bản Bắc, quyển 25) nói là tám việc Niết-bàn của phạm phu.

- Vị ngoại phạm Đường lành: Được Niết-bàn do sự thức duyên quán vô lậu dứt kiết. Vì trong vị này tu tập nghiệp nhân sự thức vô lậu, dứt phiền não. Chủng tánh trở lên dùng nó thọ quả biến dịch.

- Vị nội phạm từ chủng tánh trở lên: Có được Niết-bàn do vọng thức duyên trị vô lậu dứt kiết. Tâm quán pháp khởi, duyên bên xả ngoại.

- Vị chân tánh từ Sơ địa trở lên: Dứt dần duyên trị, chân chứng dần hiện, được Niết-bàn chân chứng pháp tánh mà chưa đầy đủ.

- Vị Phật: Đạt vọng vốn không, tịnh không phải do trị mà hiển. Pháp tánh Niết-bàn tròn đầy, y theo khởi đầu để phân biệt với kết thúc, gọi đó là thứ năm. Cho đến lúc đắc, không có bốn bậc trước thì đây chẳng phải thứ năm.

5. Nói theo thời:

Nói theo Đại thừa thì thời chia ra rất nhiều, thô thì có ba:

Lúc phạm thì chủng tánh trở xuống. Cũng có thể từ Địa tiền (dưới Sơ địa).

Lúc Thánh thì từ Chủng Tánh trở lên, cũng có thể là Địa thượng (Sơ địa trở lên).

Khi thành Phật ở tại mé sau.

a. Nếu nói khi thành Phật thì có đủ ba Niết-bàn: Tánh tịnh, Phương tiện và Ứng hóa như trên đã giải thích đầy đủ.

b. Nếu khi thành Thánh có đủ từng phần ba loại Niết-bàn, mà chưa trọn vẹn.

c. Nếu ở tại phạm thì hai loại Niết-bàn Phương tiện và Ứng hóa chẳng phải có, chẳng phải không. Từ xưa đến nay có nghĩa khả sinh (có khả năng sinh) gọi là Chẳng phải không. Vì chưa tu để đắc nên gọi là Chẳng phải có. Như hạt ở trong cây chẳng phải có, chẳng phải không. Ở đây cũng như thế!

Trong vị thiện thú chẳng phải không, cũng có Niết-bàn dứt kiết. Nay ở đây xếp vào thô, vì ít nên không nói.

Tánh Tịnh Niết-bàn Có, Không chẳng nhất định. Có ba nghĩa để giải thích:

a) Phân biệt theo duyên, theo thật.

Theo duyên nói thật thì trong thời này, thật bị vọng che lấp, chưa gọi là Niết-bàn, chỉ có thể gọi là Tánh Niết-bàn và Phật tánh. Nên kinh nói rằng: Nhân Niết-bàn là Phật tánh. Lại, kinh nói rằng: Niết-bàn gọi là quả của liễu nhân. Nên ở đây không có.

Theo Thật nói thật thì ngoài thật, không có duyên, cái gì đến che đây ngã? Không có duyên để đối thì dựa theo cái gì để gọi là Nhân? Không có duyên để đối thì đối đãi với cái gì mà xưng là quả? Cho nên Niết-bàn chẳng phải nhân, chẳng phải quả, từ xưa đến nay vẫn thường như vậy. Nên Kinh (Niết-bàn, Bản Bắc, quyển 21, Bản Nam, quyển 19) nói rằng: Đại Bát-niết-bàn vốn tự có, chẳng phải đến nay mới có.

b) Phân biệt theo hai hạng phàm phu và Phật:

Nói thật Theo phàm Thánh: Thật bị hoặc làm ẩn, chưa được hiển rõ không gọi là Niết-bàn, chỉ được gọi là Nhân, cũng được gọi là Tánh.

Nếu dùng mắt nhãn Phật nhãn quán chúng sinh, thể xưa nay không nhiễm tức là Niết-bàn. Nên kinh nói rằng: Phật biết chúng sinh rốt ráo vắng lặng giữ tướng Niết-bàn, không cần diệt nữa. Lại, những gì có đối đãi không gọi là Niết-bàn.

c) Phân biệt theo một người từ đầu đến cuối:

Bắt đầu lúc ở tại phàm chưa thấy pháp tánh, tánh bị vọng che lấp, chưa gọi Niết-bàn.

Sau, lúc thành Phật nhìn lại sinh tử thì chẳng có, do cái gì mà che lấp chân? Chân vốn thường tịnh, chẳng cần duyên trang nghiêm. Cho nên xưa nay thường là Niết-bàn, như người lằm phương hương hiểu rồi mới thấy đúng phương, đến lúc thấy rồi, phương vốn thường đúng.

Theo thời như thế.

Nói về Sinh tử, Niết-bàn là một hay khác: Một và khác thế nào? Có chia làm ba:

- Nói duyên theo duyên: Dứt thể sinh tử được tánh Niết-bàn. Sinh tử - Niết-bàn thể tánh hoàn toàn khác nhau. Như trong kinh nói: Xưa có nay không, xưa không nay có. Ba đời có pháp thì không có việc này. Chính là tương đương với môn này. Lại, trong kinh (Niết-bàn Bản Bắc, quyển 39) nói: Niết-bàn lẫn nhau không, cũng tương đương với môn này.

- Phân biệt theo duyên: Chuyển thể sinh tử tức là Niết-bàn, chẳng phải hoàn toàn khác nhau. Vì lúc mê là mê tánh Niết-bàn làm sinh tử. Cho nên lúc hiểu là hiểu thể sinh tử tức là Niết-bàn. Như người lúc mê thì phương đúng thành sai, đến lúc hiểu thì phương sai tức là đúng. Cũng

như đêm tối thấy dây thừng cho là con rắn. Sau đến lúc trời sáng thì rắn tức là dây thừng. Nên kinh nói rằng: Phạm phu chưa thành Phật thì Bồ-đề là phiền não. Nếu lúc bậc Thánh thành Phật thì phiền não tức Bồ-đề. Bồ-đề đã vậy, Niết-bàn cũng thế.

- Nói thật theo thật: Thể của sinh tử tức là Niết-bàn, không cần chuyển nữa. Như rắn là dây, đâu đợi đến trời sáng.

6. Nói về sinh tử và Niết-bàn là một hay khác:

Một, khác là sao? Phân biệt có ba môn:

- Theo duyên nói Duyên: Đoạn dứt Thể sinh tử, đặc tính Niết-bàn thì sinh tử và Niết-bàn, thể và tánh hoàn toàn riêng khác. Như trong kinh nói: “ Xưa vốn có nay không, vốn không có nay, ba đời có pháp, không có chuyện ấy”. Đúng với môn này. Lại nữa, kinh nói: “Niết-bàn hỏ tương có không”. Cũng đúng với môn này.

- Theo duyên mà xét Thật: Chuyển thể sinh tử tức là Niết-bàn, hẳng có một thể nào riêng khác, do vì khi mê, mê tính Niết-bàn là sinh tử. Do vậy, đến khi giải hiểu ra, giải hiểu thể sinh tử tức là Niết-bàn. Như người khi mê, phương chánh cho là phương tà, đến khi hiểu ra, phương tà tức là chánh, cũng như trời tối thấy sợi dây tưởng là con rắn, đến khi trời sáng rắn tức là sợi dây. Do vậy, kinh nói: “ Phạm phu chưa thành Phật, Bồ-đề là phiền não, Thánh nếu khi thành Phật, phiền não tức là Bồ-đề. Bồ-đề đã vậy, Niết-bàn cũng vậy.

- Theo thật xét Thật: Thể của sinh tử tức là Niết-bàn, đâu cần chuyển nữa. Như rắn là dây đâu cần đợi trời sáng, sinh tử Niết-bàn Một khác nhau như vậy, không thể thiên lệch chấp thủ.

7. Nói về chư Phật, Niết-bàn là một hay khác: nếu là một Niết-bàn, lúc một người đắc, người khác lẽ ra cũng đắc. Lại, nếu nhất định một thì một người đắc rồi, người khác lẽ ra không có phần. Nếu Niết-bàn khác, khác thì không đồng, liền có kia đây, nhiều ít, thêm giảm, ranh giới có thể đếm, tức là vô thường.

Nghĩa này thế nào?

Như trong Kinh Niết-bàn giải nghĩa Phật tánh không phải một, không phải khác. Niết-bàn cũng vậy, không phải một không phải khác. Đây tu đây đắc, kia tu kia đắc, nên không nhất định là một. Chỗ đắc không khác nên không nhất định là khác. Ví dụ như một bộ kinh, người học thì hiểu, không học không hiểu. Nên kinh không phải một, và pháp được hiểu thể không khác nhau, nói được là không khác. Ở đây cũng

như thế. Lại nữa:

Theo duyên xét Thật: Vì duyên khác nên Thật kia khác theo, nên không phải quyết định là một.

Theo Thật nói Thật: Ngoài Thật không có người thì biết từ ai mà nói kia nói đây? Vì thế không khác.

Nghĩa Niết-bàn rất sâu, khó lường cùng tột, hãy theo văn tự nói sơ như thế.

2. NGHĨA VÔ THƯỢNG BỒ-ĐỀ

Chia ra bảy môn:

- 1- Giải thích tên gọi.
- 2- Nói về thể.
- 3- Nói về tướng.
- 4- Được - không được.
- 5- Theo vị thông cuộc.
- 6- Phân biệt theo thời.
- 7- Bồ Đề và Niết Bàn là khác hay là một .

1. Giải thích tên gọi:

- Bồ-đề là tiếng Phạm, Hán dịch là Đạo. Quả đức viên thông gọi là Đạo, đạo có năm nghĩa:

- Phân biệt đối chướng: Chướng trời buộc hết, đức thể không bị ngăn ngại gọi là Thông, vì Thông nên gọi là Đạo.

- Phân biệt theo thể: Chứng thật rồi nhìn lại, té ra xưa nay vô nhiễm, tự thể thanh tịnh tự tại không ngăn ngại gọi là Thông, Thông nên gọi là Đạo nên kinh nói, Thánh đạo chư Phật tự tánh thường tịch, chẳng phải trước nhiễm sau lìa.

- Phân biệt theo đức: Trong Đạo Bồ-đề, các đức đồng thể duyên khởi thành nhau, một thành tất cả, tất cả thành một, hư dung vô ngại gọi đó là thông, thông nên gọi là Đạo.

- Phân biệt theo nghĩa: Giới định tuệ v.v... hạnh số đều khác, bốn nghĩa Đạo, Như, Tích, Thừa rộng thông, thông nên gọi là Đạo.

- Phân biệt theo người: Giúp thông suốt cho người tu hành đến Niết-bàn, do đó gọi là Thông, thông nên gọi là Đạo. Cho nên Địa Luận nói, Đạo là nhân, tu hành Đạo này sẽ đến chỗ bậc Thánh nên gọi là Thánh đạo.

Hỏi: Kinh nói đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là Đạo, cũng gọi Bồ-đề, cũng gọi Niết-bàn.

Đạo cũng Bồ-đề nghĩa phải khác nhau, nay vì sao lại giảng nói Bồ-đề dịch là Đạo?

Đáp: Tiếng nước ngoài nói Đạo, có nhiều tên, cũng gọi Bồ-đề, cũng nói Mạt-già, như Đạo đế trong bốn Đế gọi là Mạt-già; Trung Hoa ít tên, nên đều dịch là Đạo. Chẳng hạn Niết-bàn, Tỳ ni là tiếng Phạm, Hán đều dịch là Diệt, nghĩa kia tương tự. Trong kinh nói Đệ nhất nghĩa đế gọi là Đạo, nghĩa là đạo Mạt-già này, gọi Bồ-đề chính là đạo Bồ-đề, bởi vì hai thứ đều gọi là Đạo, nên Bồ-đề là Đạo được dịch.

Hỏi: Bồ-đề và Mạt-già kia có gì khác nhau?

Đáp: Nói chung là một, cũng như nhân và mục khác tên mà thôi. Trong đó phân biệt chẳng phải không có khác nhau. Sự khác nhau có nói trong Đạo phẩm ở trước, nay lại nói về sự khác nhau có bốn thứ:

- Phân biệt theo nhân quả: Tất cả nhân đạo gọi là Mạt-già, tất cả quả đạo gọi là Bồ-đề, nên Luận Địa Trì nói: Đắc phương tiện là đạo của tất cả Bồ tát tu học, Đắc nghĩa là vô thượng Bồ-đề.

- Phân biệt thông cuộc: Đạo của Mạt-già chung cả nhân và quả cho nên Đạo Đế có đạo đều thấu, Đạo Bồ-đề riêng ở trong quả, vì Bồ-đề ở riêng tại quả, chứng thành Phật đạo gọi là Đắc Bồ-đề.

- Phân biệt chung riêng: Đạo của ba việc Giới - Định - Tuệ riêng biệt gọi là Bồ-đề, tức đối với việc này các nghĩa Đạo, Như, Tích, Thừa chuyển vận thông suốt gọi là Mạt-già. Vì Mạt-già thông, nên kiến đạo đế dứt chung tất cả mê đạo phiền não. Vì Bồ-đề biệt, tuy cũng quán đó mà chẳng thể thông dứt kiết của đường mê. Đây cũng gọi là phân biệt sự lý.

- Phân biệt hành pháp: Tất cả đạo đều gọi Mạt-già. Nói về pháp bốn Đế, chẳng phải nêu hạnh. Tất cả đạo hạnh gọi là Bồ-đề, vì theo người nói đức chẳng phải nói về pháp. Bồ-đề là như thế.

Vô thượng là lời khen ngợi thù thắng, Bồ-đề có ba:

Sở đắc của Thanh văn.

Sở đắc của Duyên giác.

Sở đắc của Phật.

Sở đắc của Như Lai vượt hơn hai loại trước. Hai loại trước không bằng nên nói Vô thượng.

Hỏi: Bồ-đề gọi là Vô thượng, thể tức là thượng, vô minh trụ địa gọi là Vô minh mà thể chẳng minh, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nói vô có hai thứ:

Đối tha nói vô.

Theo thể nói vô.

Vô thượng Bồ-đề là đối tha nói vô. Ngoài ngã (ta) ra lại không còn có gì hơn Ngã(ta) nên gọi là Vô thượng, chẳng phải theo thể cho nên là Thượng.

Nói Vô minh nghĩa là theo thể nói vô, thể chẳng phải trí tuệ sáng suốt gọi là Vô minh, nên thể là tối tăm chẳng giống với kia.

Hỏi: Kinh nói đạo chư Phật Bồ tát tu hành chẳng thượng chẳng hạ nên gọi Trung đạo. Nay vì sao nói thể Bồ-đề là thượng.

Đáp: Vì sở đối chẳng giống nhau! Kinh Niết-bàn nói chẳng phải thượng chẳng phải hạ gọi là Trung đạo, nghĩa là trong Kinh nói tâm điên đảo mê lầm, dưới có thể thú hưởng ba đường ác gọi là Hạ đạo; trên có Bồ-đề để thú hưởng gọi là Thượng đạo. Đạo Phật mà tu hành chẳng thể lui sụt xuống ba đường ác. Lại cũng chẳng lui sụt được sở đắc của phàm phu, nên chẳng gọi là Hạ. Trên không có chỗ thú hưởng nên chẳng gọi là Thượng; chẳng Thượng chẳng Hạ nên gọi là Trung. Nay nói Thượng nghĩa là đối với Bồ-đề bậc hạ mà Nhị thừa chứng đắc, đức của Phật cao quý nên gọi Thượng.

Danh nghĩa như thế.

2. Nói về thể:

Đức thể vô biên, nay lược thành ba môn để phân biệt:

- 1- Phân biệt ba môn (sắc, tâm, phi sắc tâm).
- 2- Phân biệt chủ bản.
- 3- Phân biệt theo Tánh tịnh, Phương tiện.

1) Phân biệt ba môn: Sắc, tâm, phi sắc tâm: Như chương Niết-bàn ở dứt trên đã phân biệt rộng, nay lược hiển bày.

Trong thể Bồ-đề vừa có nghĩa sắc, vừa có nghĩa tâm, vừa có nghĩa phi sắc phi tâm.

Sắc: Phật có đủ ba thân: Pháp, báo và ứng. Trong ba thân này đều có nghĩa sắc.

Sắc Pháp thân: Nghĩa là trong Như Lai Tạng có đủ các pháp mắt, tai v.v... nhiều hơn số cát sông Hằng, nên kinh Như Lai Tạng nói: Trong thân chúng sinh có mắt, tai v.v... Như Lai, như tượng trong khuôn. Các loại này là sắc tánh pháp môn. Kinh Niết-bàn nói: Phật tánh cũng có sắc, sắc là mắt thấy. Sắc kia hiện rõ nói là sắc của Phật Pháp thân. Như Địa Trì nói: Tánh là chủng tánh. Sáu nhập cao siêu từ vô thủy đã vậy, tức là nghĩa này. Sắc Pháp thân này chỉ là sắc pháp mà không có sắc tướng, cũng như giới pháp vô tác của tỳ kheo có sắc mà không có tướng.

Sắc báo thân: Nghĩa là Như Lai tu nhiều nghiệp tướng tốt được

quả tướng tốt. Nơi ứng thân kia mỗi tướng đều có vô lượng vô biên tướng tốt, như Kinh Hoa Nghiêm nói: Tuy có tướng này mà không thể thấy, như viên ngọc báu trên đỉnh Phạm Thiên vương có mà đâu thấy được.

Sắc ứng thân: Nghĩa là tùy vật hiển hiện các thứ sắc tướng.

Sắc Pháp như thế.

Tâm: Phân biệt cũng có ba loại: Pháp, báo và ứng.

Pháp: Là tâm của chân thức, thể là tánh biết, như tánh giác biết của người ngủ mê. Do tánh biết nên kinh gọi là Tâm, là Thức, là Trí. Tâm kia đã hiển rõ gọi là Nhất thiết chủng đức của chư Phật. Nhưng đây chỉ là pháp môn tâm tánh mà không có tâm tướng, như gà trong trứng không có tướng phân biệt.

Báo tâm: Như Lai tu nhiều nhân duyên tịnh nghiệp huân phát chân tâm, khiến trong chân tâm sinh vô lượng đức trí tuệ, Tam-muội, đà-la-ni v.v... Tuy có đức này mà không phân biệt.

Ứng tâm: Tùy duyên ứng hóa các thứ trí thế gian khác nhau.

Tâm pháp như thế.

Pháp chẳng phải sắc, chẳng phải tâm: Chia ra làm hai:

1- Thường diệt vô vi.

2- Lý pháp tánh không.

Trong hai phần này đều không có sắc tâm. Tùy nghĩa chia kỹ cũng có ba loại: Pháp, báo và ứng.

Pháp: Chân thể Bồ-đề không thể dùng sắc mà giữ, không thể dùng tâm mà lấy gọi là chẳng phải sắc tâm, nên Duy-ma nói: Bồ-đề chẳng thể dùng thân được, dùng tâm được. Nghĩa này thế nào? Chân thể Bồ-đề lìa tướng sắc tâm, cho nên không thể dùng thân được hay tâm được.

Lại nữa, thể Bồ-đề vắng lặng vô vi tánh lìa sắc tâm, cho nên không thể thân được hay tâm được.

Lìa tướng: Như kinh Niết-bàn nói, Tâm chúng sinh tuy có, mà không có các tướng lớn, nhỏ, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn v.v... Đạo và Bồ-đề, Niết-bàn cũng vậy, thể tuy là có mà chẳng có tướng nào, vì vô tướng nên không thể chấp tướng, cho nên không thể thân được hay tâm được.

Lại nữa, kinh nói rằng vắng lặng là Bồ-đề, vì diệt các tướng; chẳng quán là Bồ-đề vì lìa các duyên; chẳng hành là Bồ-đề vì không nhớ nghĩ. Dứt là Bồ-đề vì xả bỏ các kiến chấp. Lìa là Bồ-đề vì lìa vọng tướng, chướng là Bồ-đề vì chướng các nguyện, chẳng nhập là Bồ-đề vì

không tham đắm. Vì nghĩa này nên không thể là tâm được.

Kinh lại nói rằng: Chẳng Hội là Bồ-đề, vì các nhập chẳng hội; chẳng Hợp là Bồ-đề vì lia phiền não tập khí; vô xứ là Bồ-đề vì không có hình sắc; giả danh là Bồ-đề vì danh tự Không; như Hóa là Bồ-đề vì không lấy bỏ; vì nghĩa này nên không thể là thân được.

Lìa tánh: Các đức trong thể Bồ-đề đồng một thể, tướng duyên khởi thành tựu. Nhiếp riêng thành chung thì các đức đều có. Dùng riêng chia chung thì tất cả đều không, nên không lìa tánh. Pháp thể là như thế.

Báo: Dứt lia tất cả nghiệp khổ phiền não, chứng vô vi vắng lặng, gọi là phi sắc tâm.

Ứng: Tùy phần hạn hóa thân thị hiện có chỗ dứt trừ, hiện chứng vô vi gọi là phi sắc tâm.

2) Môn Phân biệt chủ bạn: Chính thể là chủ, tùy trợ gọi là Bạn, chủ bạn bất định, có sáu nghĩa:

- Phân biệt theo tâm pháp: Tâm của chân thức chính là đạo thể gọi là Chủ. Tuệ số v.v... theo đức của tâm đều gọi là Bạn.

- Phân biệt theo tu hành: Niệm là chánh chủ, còn lại đều là bạn, nên kinh Niết-bàn nói: Ba mươi bảy phẩm lấy niệm làm chính. Luật kinh cũng nói: “Hay lấy niệm làm chính, các dòng được giải thoát”. Nên biết. Niệm tâm đứng đầu các hành, ngoài ra các hành tùy niệm hồi chuyển, ví như bốn binh chủng tùy theo ý các tướng, nên nói là bạn.

- Phân biệt theo hạnh nghiệp đã tạo: Tư là chánh chủ, ngoài ra đều là bạn. Tư tâm chính là tánh của tạo tác nên nói là chủ, các hành còn lại đều do Tư tạo tác. Vì tùy theo Tư mà khởi nên gọi là Bạn.

- Phân biệt theo khởi nhân thú hưởng quả: Dùng Tâm Bồ-đề làm chánh chủ vì tâm Bồ-đề này là hạt giống, ngoài ra tất cả pháp giúp Bồ-đề theo tâm thú hưởng quả đều gọi là Bạn.

- Phân biệt theo hạnh đức mạnh yếu: Tuệ hạnh rất mạnh là chánh thể của đạo, gọi là Chủ, vì có năng lực lớn trừ chướng nhập pháp, các hạnh khác trợ giúp tuệ, đều gọi là Bạn. Cho nên Địa luận nói Quyển thuộc của Trí nghĩa là Bồ thí v.v...

- Phân biệt theo các hành thành tựu lẫn nhau: Tất cả các hành thay nhau làm chủ, thay nhau làm bạn. Đàn môn nói về nghĩa thì bồ thí là chánh chủ, các hành khác là bạn. Giới môn nói về nghĩa thì giới là chánh chủ, ngoài ra các hành là bạn. Tất cả như thế, chủ bạn khác nhau có sáu nghĩa này.

Nay ở đây, cái gọi là Hạnh đức Bồ-đề phần nhiều nói dùng tuệ

hạnh làm chánh chủ, còn lại là bạn.

3) Tánh tịnh, phương tiện. có hai môn: Như kinh Kim cang Bát Nhã kia nói: Bồ-đề do sinh nhân mà đắc gọi Phương tiện Tịnh, do liễu nhân mà hiển bày gọi là Tánh tịnh. Nghĩa hai tên này đều như phần Niết-bàn vừa rồi đã giải thích, nay phân biệt sơ lược:

Phương tiện Bồ-đề: Nhóm họp theo duyên phát khởi, thành tựu do thể khởi. Nhiếp đức theo duyên thì đều từ duyên sinh, như đồ trang sức do thợ làm ra. Nhiếp đức theo thể thì đều là Phật tánh, do chân tâm tạo, như đồ trang sức làm bằng vàng ròng. Duyên cái gì để tạo tác? Tạo phải nương thể, Thể do cái gì làm ra? Làm ra phải nhờ duyên. Hai điều này nói chung đều gọi là do sinh nhân sinh ra. Trong đó phân biệt, bên ngoài duyên khởi gọi là tác nhân tạo, như thợ khéo trong thế gian làm các món đồ trang sức, danh từ tác nhân như kinh Niết-bàn nói, từ Phật tánh khởi gọi sinh nhân sinh, vì trong Phật tánh có nghĩa có thể sinh làm sinh nhân.

Kinh Niết-bàn chép: “Phật tánh tuy không, mà chẳng giống như sừng thỏ. Sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện cũng chẳng thể sinh, Phật tánh thì có thể sinh. Vì có thể sinh nên gọi là Sinh nhân”. Cũng được nói rằng: Bên ngoài duyên khởi là Sinh nhân sinh, nên kinh Niết-bàn nói: “Lại có sinh nhân sáu ba-la-mật, Vô thượng Bồ-đề”; từ Phật tánh khởi gọi là tác nhân tạo, nên Địa kinh nói, ví như vàng ròng làm ra đồ trang sức, Phật tánh chân tâm tạo ra các công đức.

Tánh tịnh Bồ-đề: Tánh phát ra từ xưa, theo duyên mới hiện, trong đó chia làm hai loại:

Nói về thật theo duyên, từ duyên mới hiển bày.

Theo thật quên duyên, không ẩn không hiển.

- Trong từ duyên hiển, có hai nghĩa: một là duyên hiển, hai là thể hiển.

Nhiếp đức theo thể đều là thể hiển, duyên tuy có hiển phải nương tánh thể. Nếu trong tánh thể không có nghĩa để hiển thì tuy tu các hạnh rồi cũng không hiển được.

Tánh tuy có thể hiển, hiển phải nhờ duyên; nếu không có các duyên thì chẳng bao giờ hiển được. Thí như trong nhà tối chung với bảy báu, nếu không có đèn chiếu, không do đâu tâm hiển được. Nói chung, hai thứ này đều gọi là nhờ liễu nhân mà liễu. Duyên bên ngoài là tướng khác kia, hiển rõ gọi là Liễu nhân, như đèn soi vật. Phật tánh là tự thể kia có thể rõ gọi là Liễu nhân, như đèn trong bình có nghĩa có thể thấy, phá bình thì thấy; Nên kinh Niết-bàn nói: Phật tánh tuy có nhưng chẳng

đồng hư không. Hư không tuy dùng vô lượng phương tiện cũng không thể thấy được. Còn Phật tánh thì có thể thấy. Vì có thể thấy, nên gọi là Liễu nhân. Chính Phật tánh này từ xưa đến nay có nghĩa để liễu nên gọi là Liễu nhân, chẳng phải là đã liễu. Trong đó phân biệt bên duyên ngoại liễu gọi là Liễu nhân hiển từ Phật tánh hiển gọi là Tánh nhân hiện. Theo duyên là như vậy.

- Trong theo thật quên duyên không ẩn hiển, cũng chia thành hai nghĩa:

Bỏ người, nói về pháp: Pháp tánh vốn vắng lặng, từ xưa đến nay không có duyên. Ngoài thật không có duyên. Nên biết! Lại do đâu nói ẩn nói hiển nói nhân nói quả? Đây phải thuộc về lý môn pháp tánh Bồ-đề, chẳng quan hệ với hạnh đức.

Nhiếp pháp theo nhân: Thì pháp tánh ở trước chỉ Phật mới chứng, chứng rồi so lại từ xưa đến nay không có duyên, vì vốn không có duyên nên vốn chẳng phải nhiệm, nay chẳng phải mới tịnh, đồng với pháp tánh trước chẳng phải ẩn, chẳng phải hiển, chẳng phải, nhân chẳng phải quả. Nên kinh nói: “Thuận là Bồ-đề, vì thuận với pháp, Trụ là Bồ-đề vì trụ tiện pháp tánh, Chí là Bồ-đề vì đến mé thật”. Chính là nghĩa này.

Môn nhiếp pháp theo nhân này gọi là Hạnh đức, tuy gọi hạnh đức mà chẳng khác pháp tánh Như Địa kinh tuy nói: Biết Thánh đạo tự tánh vắng lặng, chẳng phải trước nhiệm sau xa lìa, nên nói định diệt là Phật sở hành, chính là môn này. Tánh Tịnh, Phương tiện mầu nhiệm ở chỗ này, nên suy xét kỹ.

Thế tánh như thế.

3. Nói rộng về tướng:

Trong đó có hai:

- 1- Nói theo tánh tịnh.
- 2- Nói theo phương tiện.

1. Tướng Tánh tịnh Bồ-đề, chia ra làm hai:

- Không tướng.
- Hữu tướng.

+ *Không tướng*: Như kinh Kim cang Bát Nhã ấy nói: Cho đến không có chút pháp để được, đây gọi là Bồ-đề. Pháp này bình đẳng không có cao thấp, đây gọi là Bồ-đề. Vì không có chúng sinh, không có người, không có thọ, gọi là chúng Vô thượng Bồ-đề bình đẳng.

Các loại như thế là nghĩa không.

Không có pháp để được, bình đẳng không cao thấp là pháp không.

Pháp không có hai:

Chỗ vọng tình chấp giữ quả đức của chư Phật, đối với lý vốn là không, nên gọi là Không.

Chân tánh Bồ-đề diệu vắng lặng, lìa tướng nên gọi là không. Vì Phật, quả kia tánh tướng đều không, cho nên chẳng có chút pháp nào để được. Lại nữa, trong không này chẳng có quả đức Ba thừa sai khác nhau nên nói là bình đẳng, không có cao thấp - Không này chính là nghĩa như thật không trong thể Bồ-đề nên gọi là Bồ-đề.

Không có sinh, không có người và không có thọ v.v... gọi là Bồ-đề nghĩa là chúng sinh không, chia làm hai phần:

Chỗ vọng tình chấp giữ Ngã, chúng sinh v.v... chứng được Bồ-đề đối với lý vốn không nên gọi là Không.

Chân tánh Bồ-đề duyên khởi hợp thành Ngã chúng sinh v.v..., đối với chân thì thường vắng lặng nên gọi là không, nếu còn tướng ngã, nhân, chúng sinh v.v...kia đây khác nhau thì chẳng gọi là Bình đẳng, còn Ngã thì trái đạo chẳng được Bồ-đề. Vì không có ngã, nhân, chúng sinh, v.v... nên không có phạm phu, Phật, kia đây khác nhau, gọi là được bình đẳng. Không có người khác Đạo, không có đạo khác người, người và đạo không ngăn cách, được gọi là Bồ-đề.

Nghĩa Không như thế.

+ *Về Bất không*: Như kinh Niết-bàn nói: Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi Bồ-đề, cũng gọi là Đạo, cũng gọi Niết-bàn. Các pháp như thế vừa có vừa không.

Không Như kia, làm sao dứt được tất cả phiền não? Vì kia có cho nên Bồ tát đều thấy biết rõ ràng. Nên biết là có.

Kia làm sao có? Trong Như Lai Tạng đầy đủ tất cả Phật pháp nhiều hơn số cát sông Hằng, pháp kia hiển rồi thì nói là tất cả chủng đức Bồ-đề, nên gọi là Có. Có không như thế. Nếu muốn nói rộng như Duy-ma nói Bồ-đề Vắng lặng vì diệt các tướng. Bồ-đề chẳng quán vì lìa các duyên, Bồ-đề bất hành vì không nhớ nghĩ, v.v... như thế.

Tóm lại, vắng lặng lìa tướng đầy đủ các nghĩa là tướng Bồ-đề.

Tánh tịnh như thế.

2. Nói về phương tiện. Trong đó, lược chia làm ba môn:

- Phân biệt Hành dứt.
- Phân biệt Chân ứng.
- Phân biệt Tùy nghĩa.

+ *Hành dứt*: Phiền não nghiệp khổ đều không còn, gọi là dứt, đây tức là không có các pháp như Pháp thân, Bát Nhã, giải thoát, nói là

Hành, đây tức là có.

Phân ra tướng để nói thì dứt là diệt đế, chẳng phải là Bồ-đề. Hành đức là đạo, mới là Bồ-đề.

Nói theo Nhiếp tướng thì hai môn Hành Dứt đều là Bồ-đề, nên Địa Trì nói: Nhị dứt, Nhị trí gọi là Bồ-đề. Nhị dứt là Dứt, Nhị trí là Hành. Ý nghĩa như phần sau giải thích. Hai thứ này đều từ hạnh tu phương tiện dứt chướng mà được, gọi là Phương tiện tịnh.

Hành dứt như thế.

+ *Phân biệt hai môn theo chân ứng*: Tự được tướng ứng gọi là Chân, hiện hóa tùy vật gọi là Ứng. Chân thì phương tiện tu tập mà được gọi là Phương tiện tịnh, Ứng cũng như thế. Lại nữa, Ứng dụng dứt gọi là Phương tiện tịnh, nhưng Ứng Bồ-đề nghĩa có chung riêng. Chung là nương theo Bồ-đề chân thật khởi hóa dụng, đều gọi là Ứng hóa Bồ-đề, vì là dụng của Bồ-đề. Riêng tám tướng hiện thành Phật đạo là Ứng Bồ-đề. Ngoài ra khí, vượn, nai, ngựa v.v... các hóa thân, tùy tướng mà tên khác, không gọi Bồ-đề.

Thế nào là tám tướng? Như trong kinh nói:

- 1- Lên cõi Đâu Suất.
- 2- Trở lại nhập thai.
- 3- Trụ thai.
- 4- Giáng sinh.
- 5- Xuất gia.
- 6- Thành đạo.
- 7- Xoay bánh xe pháp.
- 8- Nhập Niết-bàn.

Các tướng này mỗi tướng đều như kinh có giảng rộng. Trong tám tướng, tướng thứ sáu hiện thành Phật đạo chính là thể của Ứng hóa Bồ-đề; năm tướng đầu là Phương tiện; hai tướng sau là Tác dụng.

Chân ứng là như thế.

+ *Tùy nghĩa phân biệt*: Chia làm sáu môn, như Địa Trì nói:

- Nghĩa tự tánh.
- Nghĩa vô thượng.
- Danh xưng công đức.
- Tùy niệm công đức.
- Nghĩa có khả năng.
- Nghĩa tối thắng.

Trong sáu nghĩa, hai nghĩa trước là Tự đức, bốn nghĩa sau là Hóa đức.

Trong Tự Đức, loại tự tánh đầu chính là đức thể, loại vô thượng sau là nói lên đức cao siêu. Trong Hóa đức, ba phần trước là đức thể, một phần sau là tối thắng, nêu đức cao siêu. Nay nương môn này thứ lớp phân biệt giải thích.

- *Tự tánh*: Nói về Bồ-đề hành đức thể tánh, nên gọi là Tự tánh.

Lược chia ra trong đó có ba môn:

- Giải thoát rốt ráo.

- Bát nhã tròn đủ.

- Pháp thân hoàn mãn.

Trong Kinh Niết-bàn nói ba nghĩa này thành Đại Niết-bàn.

Địa Trì nói đây là tánh Bồ-đề, luận ấy nói hai đoạn, hai trí là giải thoát.

Hai đoạn tức là Vô vi giải thoát, nên luận kết gọi đó là Đại giải thoát.

Hai đoạn là:

Một là dứt chướng phiền não, dứt lìa năm trụ tánh kiết phiền não; hai là dứt trí chướng, dứt sự vô trí.

Hai trí tức là Hữu vi giải thoát.

Hai trí là:

Một là trí dứt chướng phiền não, tất cả phiền não chẳng tương tục; hai là trí dứt trí chướng, tất cả sở tri không chướng ngại.

Luận Địa Trì (quyển 3) nói: Trí thanh tịnh và Trí Nhất thiết, trí Vô chướng ngại v.v... tức là Bát-nhã. Chư Phật, Như Lai có tuệ chứng Như, dứt được phiền não thanh tịnh minh đạt, là trí thanh tịnh. Biết rõ tất cả các pháp Thế đế là Trí Nhất thiết. Đối với pháp mà Trí Nhất thiết biết, biết nó tự tại, chẳng nhờ phương tiện, phát tâm rõ biết gọi là Trí vô ngại.

Ba loại này như trong chương Tam Trí ở sau sẽ phân biệt rộng.

Kia nói: Như Lai có một trăm bốn mươi Bất cộng Phật pháp và trí Phật nguyện, trí vô tranh, biện bốn vô ngại, đây gọi là Bồ-đề tức là Như Lai Pháp thân viên mãn.

Một trăm bốn mươi pháp Bất cộng là gồm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai là một trăm mười hai; bốn Nhất thiết chủng tịnh cộng với trên, thành một trăm mười sáu; mười lực và bốn vô sở úy cộng chung thành một trăm ba mươi; thêm ba niệm xứ và ba bất hộ, cộng chung thành một trăm ba mươi sáu. Đại bi là bảy, pháp Bất vong là tám, dứt trừ các tập khí là chín. Diệu trí Nhất thiết chủng là mười, cộng chung thành một trăm bốn mươi. Ở đây chỉ Phật mới có đủ,

Nhị thừa không có, gọi là pháp Bất cộng như phần sau có giảng rộng.

Trí Như Lai nguyện và trí Vô tranh như trong chương Ngũ Trí ở trước có giảng rộng.

Biện bốn vô ngại cũng như trên đã giải thích.

Tự tánh là như thế.

- *Vô thượng*: Đức của Phật cao quý siêu vượt hơn Nhị thừa, nên nói vô thượng, chia ra làm bảy:

Thân vô thượng: Tướng tốt rất mầu nhiệm. Đây là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trong một trăm bốn mươi pháp bất cộng ở trước, nói là Vô thượng.

Đạo vô thượng: Tự độ độ tha vượt qua nhiều lỗi, thương xót thế gian lợi an trời người. Đây là theo các hạnh Đại bi ở trước nói vô thượng.

Chánh vô thượng: Bốn chánh thành tựu nghĩa là chánh giới, chánh kiến, oai nghi và chánh mạng.

Chánh giới: Lìa tánh tội.

Chánh kiến: Xa lìa tà báng.

Chánh oai nghi: Lìa tất cả lỗi lầm uống rượu v.v...

Chánh mạng: Lìa tất cả tà mạng tự nuôi sống khác, đây là theo ba thứ bất hộ và dứt tập v.v... ở trước, gọi là Vô thượng.

Trí vô thượng: Nghĩa là bốn vô ngại. Đây là theo bốn biện vô ngại ở trước, gọi là Vô thượng.

Thần lực Vô thượng: Thành tựu sáu thông. Đây là theo trí Thanh tịnh, Trí Nhất thiết, Trí Vô ngại và mười lực v.v... ở trước, nói Vô thượng. Vì các trí này có chung thể tánh.

Dứt Vô thượng: Là Dứt phiền não chướng và dứt tri chướng. Đây là theo Dứt ở trước nói Vô thượng.

Trụ Vô thượng: Trụ có ba thứ là Thánh trụ, Thiên trụ và Phạm trụ. Không, Vô tướng, Nguyện, Diệt tận chánh thọ là Thánh trụ. Bốn vô tâm lượng gọi là Phạm trụ. Bốn thiền, bốn định vô sắc gọi là Thiên trụ, như trên đã giảng rộng. Ở đây cũng theo trí Nhất thiết chủng ở trước nói Vô thượng.

Vô thượng như thế.

Trở xuống nói về Hóa đức. Trong đó ba phần đầu là thể của Hóa đức, một phần sau hiển bày thù thắng. Trong ba phần đầu:

- *Nói về công đức danh xưng*: Tiếng vang tốt đẹp phô bày ra ngoài khiến người quy kính.

- *Nói về công đức tùy niệm, tùy niệm khởi hóa*.

Có thể riêng một mình làm lợi ích rộng lớn (Kham năng độc quảng

ích)

Danh xưng Đức: Nghĩa là mười hiệu Như Lai gọi là Đức, bắt đầu từ Như Lai cho đến Bà-già-bà thứ mười cũng gọi là Thế Tôn, như phần sau sẽ giảng rộng.

Tùy niệm Đức: Là tùy theo tâm niệm các chúng sinh khác nhau, bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu chỗ đều vì họ mà thị hiện.

- *Kham năng. Có nghĩa là:* Trong cõi tam thiên chỉ có một Đức Như Lai làm được lợi ích lớn. Đức Phật thứ hai xuất hiện thì không có việc gì làm.

- *Tối thắng. Thắng có hai thứ:*

Đức thắng: Tất cả Như Lai hóa tướng khác nhau mà thật đức bình đẳng, nên văn kia nói: Tất cả Như Lai chỉ trừ bốn việc có tướng thêm bớt, chẳng phải công đức khác.

Bốn việc là:

Thọ mạng: Tuổi thọ có dài ngắn.

Danh xưng: Tiếng tăm có xa gần.

Chủng tánh: Dòng họ cao thấp.

Sắc thân: Thân có lớn nhỏ.

Chỉ những việc này có thêm bớt, ngoài ra mười lực, bốn vô úy v.v... đều bình đẳng; bình đẳng nên thù thắng.

Thân thắng: Các căn tướng tốt thấy đều tăng thượng, không dùng thân nữ được thành Phật đạo. Vì sao như thế? Vì trước ở A-tăng-kỳ kiếp đầu tiên, Như Lai đã xả bỏ thân nữ; hướng chi ở dưới cây Bồ-đề, trước đã xả, nay lại không xả, cho nên không dùng thân nữ thành Phật.

Lại nữa, tánh người nữ nặng về phiền não, thành tựu trí ác, không do phiền não ác trí thành Phật, vì thế không có. Mỗi việc đều giảng rộng trong Luận Địa Trì, nay chỉ nói lược.

4. Nói nghĩa đắc và vô đắc:

Phương tiện Bồ-đề tu khởi tại duyên, một bề có đắc, vì dứt trừ sinh tử chứng đắc Bồ-đề.

Tánh tịnh Bồ-đề cũng có đắc, chẳng đắc. Y theo Tướng mà nói về thật, nhờ diệt vô minh nên có đèn Tam Bồ-đề rực rỡ, gọi là Đắc. Chứng Thật so lại từ xưa đến nay không có duyên. Trí lại từ đâu tu chứng Bồ-đề? Nên tức là vô đắc. Nghĩa vô đắc chia làm có năm loại:

1. Ngoài thể Bồ-đề không có Ngã, Nhân nào khác, đắc được Bồ-đề, vì thế Vô đắc, nên Duy-ma nói: Thật không có người đắc cũng không có người lui sụt. Bởi vì có người thì không phải Bồ-đề, không

người mới phải, nên không có người đắc.

2. Ngoài thể Bồ-đề không có pháp nào khác chứng được Bồ-đề. Nên Duy-ma nói: Bồ-đề chẳng thể thân đắc, tâm đắc. Vì có Thân thì chẳng phải Bồ-đề, không thân mới đúng, nên không phải thân đắc. Vì có Tâm thì chẳng phải Bồ-đề, không tâm mới đúng nên chẳng phải tâm đắc.

3. Bồ-đề thể Như, vắng lặng lìa tướng không thể lấy bỏ, cho nên Vô đắc. Kinh Kim cang Bát Nhã nói: “Cho đến không có chút pháp để được, đây gọi là Bồ-đề”, nên không thể đắc.

4. Bồ-đề thể là Thường, tánh sẵn có xưa nay, không từ duyên sinh. Vì thế Vô Đắc, nên Kinh Niết-bàn nói: Trí tuệ tánh Thường chẳng từ nhân duyên. Vì sao Thế Tôn có thể hỏi nhân duyên kia? Vì không có duyên nên không có Năng Đắc, thường chẳng phải do tu sinh khởi, nên không có Sở Đắc.

5. Bồ-đề không có chỗ trụ để mong cầu, cho nên không có đắc. Nên Thiên nữ nói: Bồ-đề không nơi chốn nên không có đắc.

Hỏi: Bồ-đề ở mé sau. Vì sao nói không chỗ nơi?

Đáp: Y theo phàm để so với Bồ-đề thì sinh tử ở đây, Bồ-đề ở kia. Nếu nói theo Bồ-đề thật tánh, thì không có phàm ở đây, theo gì để nói ở kia? Cho nên nói không có chỗ trụ.

Hỏi: Địa Kinh nói: Tất cả sở đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao nói không có nơi chốn?

Đáp: Nghĩa giống như trước giải thích, y theo tướng để nói về Thật, nói tất cả chỗ được Bồ-đề. So sánh theo Thật thì không thật có nơi chốn, nên nói không chỗ nơi. Vì không chỗ nơi nên không thật có.

Nghĩa đắc, vô đắc nói sơ như thế.

5. Phân biệt chung - riêng:

Nói theo Vị:

Tánh tịnh Bồ-đề có chung, có riêng. Chia ra ba loại:

- Nói chung theo thật: Thể có cả nhiễm tịnh, trong nhân cũng có, nên kinh nói rằng: Tất cả chúng sinh tức tướng Bồ-đề.

- Nói thật theo người: Bồ-đề chân tánh chứng tột ở Phật. Theo Phật so lại, vì xưa nay Thường, vì thế vốn không có vọng nhiễm ngăn che. Cho nên kinh nói: “Phàm phu chưa thành Phật, Bồ-đề tức phiền não, nếu khi bậc Thánh thành Phật, thì phiền não tức Bồ-đề”, nghĩa tương tự như trong kinh nói, Phật biết chúng sinh tức tướng Niết-bàn, không còn diệt nữa.

- Nói thật theo tướng: Khi ở Nhân chỉ gọi Phật tánh, chưa gọi Bồ-đề, đến khi quả hiển hiện rồi mới gọi Bồ-đề. Vì Bồ-đề là quả của liễu nhân.

Phương tiện Bồ-đề lúc còn phàm phu hoàn toàn không có, dù cho nói có, chỉ đối với thể Phật tánh chân tâm có nghĩa để sinh, không có pháp thể. Nên kinh nói rằng: Xưa có nay không, xưa không nay có, ba đời có pháp, thì không có việc đó.

Xưa có, xưa khi là phàm phu chỉ có pháp sinh tử hữu vi.

Nay không, là ngay hiện tại khi có sinh tử thì không có Hạnh đức Bồ-đề xuất thế.

Xưa không, là khi xưa là phàm phu chưa có Hạnh đức Bồ-đề xuất thế.

Nay có, là hiện nay khi không có đức Bồ-đề, chỉ có sinh tử.

Ba đời có pháp thì không có việc đó; nghĩa là pháp sinh tử ba đời hằng có, không có việc đó, phàm thì có, Thánh thì không.

Hạnh đức Bồ-đề ba đời hằng có, thì không có việc đó, Thánh có phàm không. Kinh giải thích như thế.

Có người nói rằng Phương tiện Bồ-đề phàm phu cũng có, nghĩa này không đúng, dù cho khi là phàm phu cũng đã có Bồ-đề, xưa có nay không, xưa không nay có, bài kệ như thế ý nghĩa làm sao hiển bày? Ba đời có pháp, không có việc đó, làm sao trước đã có được?

Trong Kinh lại nói: Phương tiện Bồ-đề là quả của sinh nhân. Xưa không nay có, làm sao nói Sinh được? Trước có nay hiển bày, là quả của liễu nhân, làm sao nói Sinh được?

Lại, trong kinh Niết-bàn có nêu ví dụ sữa, lạc và cây, hạt, nhân quả sinh lẫn nhau. Nếu khi là phàm phu đã có Bồ-đề thì sữa nên có lạc, trong hạt cây nên có cây. Lạc trong sữa, cây trong hạt giống, Phật đã rộng phá. Tình huống này cũng thế, đâu cần gượng lập làm gì?

Kinh Niết-bàn lại nói: Nếu nói trong thân hoàn toàn không có Phật tánh, thì phạm Ba-la-di! Nếu nói trong thân trước có Bồ-đề, cũng phạm Ba-la-di! Tội này thật đáng sợ, đâu thể nói có?

Kinh Niết-bàn lại chép: Nếu nói trước có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh bất tập bất sinh, phiền não che đậy chẳng thể thấy được, phá phiền não rồi mới thấy. Đó gọi là phỉ báng Phật Pháp Tăng. Tội hủy báng chẳng phải nhẹ, gượng lập ra có lợi gì?

Trong Niết-bàn lại nói bốn chủng tánh:

Hoặc có Phật tánh, kẻ xiển-đề có, người thiện căn không có.

Hoặc có Phật tánh, bậc thiện nhân có, kẻ xiển-đề không.

Hoặc có Phật tánh, hai hạng đều có.

Hoặc có Phật tánh, hai hạng đều không có.

Nghĩa bốn trường hợp như thế. Các ông làm sao giải thích một chiều? Văn kinh như vậy.

Nếu nói cả hai tánh tịnh và Phương tiện Bồ-đề đều sẵn có, vì sao nói xiển-đề không có? Vì sao nói hai hạng đều không có được?

Lại giải thích rằng: Chẳng hiển bày cho nên không, chẳng phải hoàn toàn không có tự thể. Nếu nói chẳng hiển gọi là Không. Hai người đều có đáng lẽ là hiển. Hai người có mà chẳng hiển gọi là Có, thì biết là không, chẳng phải ẩn gọi là Không.

Lại nữa, quả phương tiện Bồ-đề tức là Báo Phật, đáp trả Nhân gọi là Báo. Xưa nay hằng có, trước không có nhân, thì đáp trả cái gì mà gọi là Báo? Lấy đây xét tìm thì sẵn có, có lỗi lầm lớn, không nên dựng lập nữa.

Hỏi: Kinh nói trong thân chúng sinh có đủ các căn mắt, tai v.v... của Như Lai và pháp chư Phật, nay vì sao nói Phương tiện Bồ-đề khi là phàm phu hoàn toàn không có?

Đáp: Kinh nói đầy đủ tất cả pháp là pháp Phật tánh, chẳng nói phương tiện.

Phàm Thánh đối tượng thông và hạn cuộc như thế.

Nếu chỉ theo Thánh thì chung và hạn riêng có năm:

Nói về Cực chung, thì Ba thừa Hiền Thánh được Bồ-đề. Nên Địa Trì nói: Thanh văn đắc Bồ-đề Thanh văn, Duyên giác đắc Bồ-đề Duyên giác, Bồ tát đắc vô thượng Bồ-đề. Như thế v.v...

Phân biệt Đại khác Tiểu: Bồ-đề thuộc Đại thừa, Tiểu thừa không có. Nên trong Đại phẩm nói năm loại Bồ-đề nghiêng về Đại thừa. Ng-hĩa năm Bồ-đề như trên đã giảng rộng, nay sẽ kể sơ lược:

- Bồ-đề Phát tâm: Trong biển sinh tử vô lượng phát tâm Bồ-đề, ở địa vị đường lành.

- Bồ-đề Phục tâm: Trong địa vị phục nhĩ ở Chứng tánh.

- Bồ-đề Minh tâm: Từ Sơ địa trở lên, trí Bát nhã càng thêm lớn, nên gọi là Minh tâm.

- Bồ-đề Xuất đáo: Từ Thất địa trở lên, ra khỏi có không, đến Vô sinh nhĩ.

- Bồ-đề Vô thượng: Ở tại Phật địa.

Năm Bồ-đề này thuần của Đại thừa, không chung với Tiểu thừa.

Phân biệt Tác khác Thối: Bồ-đề hạn cuộc ở Chứng tánh trở lên nên Kinh Hoa Nghiêm nói trong Tập Chứng rằng: “Mới phát tâm liền

thành Chánh giác”. Trong Kinh Niết-bàn lại nói: “Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, Bích-chi mười ngàn kiếp mới được Vô thượng Bồ-đề”. Đây là đến Chứng tánh trở lên, gọi là Đến Bồ-đề. Vì Chứng tánh trở lên, khi duyên quán trong sự thức dứt dần dần. Tám thức chân tâm hiện trong chướng mỏng, nương đó thành đức, nên Chứng tánh trở lên gọi là Đắc Bồ-đề; trước đó chưa được như thế, cho nên không nói.

Phân biệt Thánh khác Phạm: Bồ-đề hạn cuộc ở Sơ địa trở lên, không chung với Địa Tiền, nên trong Kinh Pháp Hoa chép: “Bồ tát nghe nói thọ lượng hoặc có tám đời cho đến một đời được Đại Bồ-đề”. Luận nói, tám đời cho đến một đời được Bồ-đề nghĩa là Sơ địa chứng trí. Biết rõ Bồ-đề hạn cuộc ở Địa thượng, vì Sơ địa trở lên trong bảy thức tâm, duyên quán dứt dần, chân trí hiện dần, gọi là Đắc Bồ-đề. Địa tiền chưa được như thế, nên không nói.

Phân biệt Quả khác Nhân: Bồ-đề ở quả Phật, không chung với các quả vị khác, nên Địa Trì nói: Đắc phương tiện là đạo mà tất cả Bồ tát tu học.

Đắc nghĩa là vô thượng Bồ-đề biết rõ Bồ-đề hạn cuộc ở quả Phật.

Thông và Cuộc như thế.

6. Phân biệt về thời:

Thời là ba đời, theo ba thời này để nói về Bồ-đề. Bồ-đề bất định, có nghĩa ba đời và chẳng phải ba đời.

Ba đời, có hai thứ:

- Thể biến ba đời: Nghĩa là Phật Ứng thân tùy loại hóa hiện mà hay đổi.

- Đối với hoặc chướng mà có trước, sau.

Chẳng phải ba đời, cũng có hai giải thích:

Thể chẳng phải sinh diệt, nên chẳng phải ba đời, ngược với môn đầu tiên ở trên.

Chứng thật lia duyên, khéo quên hình tướng đối đãi nên chẳng phải ba đời, ngược với môn sau ở trên. Nên kinh nói: “Phật tánh Như Lai chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.”. Kinh cũng nói: “Ta quán Như Lai mé trước chẳng đến, mé sau chẳng đi, hiện tại chẳng trụ”. Như thế v.v...

Vì Bồ-đề có nghĩa Bất định này, nên kinh nói: Văn tự thế tục nói có ba đời, chẳng phải nói Bồ-đề có quá khứ, vị lai, hiện tại. Nghĩa này là thế nào? Giải thích rộng có bốn nghĩa:

- Phân biệt đối tượng theo Chân Ứng: Ứng hóa có thời gian nên nhiếp ba đời, Chân đức thường trụ như hư không chẳng có quá khứ, vị lai, hiện tại.

- Phân biệt đối tượng theo Tánh tịnh phương tiện trong chân: phương tiện Bồ-đề từ duyên tu sinh, sinh có trước sau nên thuộc về ba đời. Tánh tịnh Bồ-đề từ tu quán, tánh xuất từ xưa, chẳng từ duyên sinh, chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai.

- Phân biệt ngay theo Tánh tịnh, theo tu đến chứng: Tánh tịnh Bồ-đề nhờ duyên tu mà hiển bày. Trước tu sau tịnh khác nhau thời, nên có ba đời. Chứng đắc rồi so lại, xưa không ẩn khuất, nay chẳng hiển bày, chẳng phải nhân chẳng phải quả. Vì nghĩa này nên chẳng phải quá khứ - vị lai - hiện tại. Một nghĩa này tương tự với kinh Niết-bàn nói: “Xả Từ thế đế, được Từ đệ nhất nghĩa, Từ đệ nhất nghĩa chẳng do nhân duyên”, tương tự.

- Phân biệt ngay Thể Tánh tịnh theo duyên đến thật:

Y cứ duyên so với thật, thì duyên ngoài có thật, thật có duyên ngoài nên dứt duyên mới hội, hội có trước sau nên có ba đời.

Nói Thật Theo Thật, thì ngoài thật không có duyên, duyên vốn không có thì cái gì che Ngã, cho nên xưa không ẩn nay hiện, không ẩn thì đâu có nay hiển? Thật tánh thường vắng lặng không thay đổi theo duyên, vì thế nên không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Đây đủ những nghĩa này cho nên Bồ-đề cũng là ba đời.

Phân biệt theo thời như thế.

7. Đối với Niết bàn nói về một khác:

Một, khác không nhất định. Vì sao như thế? Vì Pháp môn có hai:

1- Môn Chia tướng.

2- Môn Nhiếp tướng.

Chia tướng mà nói thì hai môn Bồ-đề và Niết-bàn khác nhau.

Nhiếp tướng để nói về Bồ-đề và Niết-bàn, hai thể là một. Trong đây lược dùng hai môn để phân biệt:

(1) Phân biệt theo hai đức Hành và Dứt.

(2) Phân biệt theo Tánh tịnh và Phương tiện.

(1) Trong môn Hành - Dứt. Chia tướng mà nói thì: Tất cả Hành đức đều gọi là Bồ-đề vì hành là Đạo, tất cả Đoạn đức đều gọi là Niết-bàn, vì đoạn là diệt. Nếu theo nhiếp tướng thì tất cả hành và đoạn đều là Bồ-đề, cũng là Niết-bàn.

Hành đức - Đoạn đức đều là Bồ-đề, như luận Địa Trì nói: “Hai

dứt, hai trí đều gọi là Bồ-đề”.

Hỏi: Bồ-đề, Hán dịch là Đạo, Hành đức là đạo có thể gọi là Bồ-đề; Đạo đức chẳng phải đạo vì sao cũng gọi là Bồ-đề?

Đáp: Vì có ba nghĩa:

- Dứt là đạo quả, quả gọi tên theo nhân, nên nói Bồ-đề. Như thức ăn là nhân của mạng sống, nên gọi thức ăn là mạng.

- Vì nghĩa dứt là đức lìa lỗi của Bồ-đề, nhiếp đức theo thể nên nói là Bồ-đề. Như các tâm pháp là quyền thuộc của Tuệ, gọi chung là Tuệ, tất cả như thế.

- Vì thể của Dứt đức không ngăn chướng, tức là nghĩa của đạo. Vì đạo này nên nói là Bồ-đề.

Hành đức - Dứt đức đều là Niết-bàn. Như kinh Niết-bàn nói: “diệt các phiền não gọi là Niết-bàn”, chính là Dứt ở đây vậy. Nói: “Ba sự thành Đại Niết-bàn” chính là hành này.

Hỏi: Niết-bàn Hán dịch là Diệt. Dứt đức là Diệt, được gọi là Niết-bàn, Hành đức không phải Diệt, vì sao gọi là Niết-bàn.

Đáp: Cũng có ba nghĩa:

- Vì hành đức là nhân của diệt, nhân là gọi theo quả nên nói Niết-bàn. Như Thức mạng (mạng sống nhờ thức ăn) nên gọi thức là mạng. Cũng như Địa Trì nói về nhân vui, nhân tuy không phải vui mà là nhân của vui nên cũng gọi là vui, ở đây cũng vậy.

- Vì các hành là Niết-bàn đối trị Hành đức là quyền thuộc Niết-bàn, nhiếp Đức theo thể nên gọi là Niết-bàn.

- Vì các hành đều có nghĩa vắng lặng lìa lỗi, nên gọi là Niết-bàn.

Hành đức có nghĩa như thế.

Phân biệt theo Tánh tịnh và Phương tiện.

Nói về Chia tướng: Quả Tánh tịnh đều là Niết-bàn vì thể của tánh tịnh vắng lặng là tướng vô vi. Quả phương tiện đều là Bồ-đề, hạnh tu phương tiện vì lưu thông cho hành nhân đến Bồ-đề. Nghĩa này như kinh Niết-bàn nói: “Đức của Bồ-đề từ sinh nhân sinh ra. Đức của Niết-bàn do sinh nhân mà hiển bày”. Vì phương tiện riêng là Bồ-đề, là nói không quá đáng, không cần lập riêng phương tiện; Đức của tánh tịnh là Niết-bàn riêng cũng không phải nói quá đáng, cho nên không cần tánh tịnh lập riêng. Nên trong kinh Niết-bàn, tất cả Bồ-đề tuy là phương tiện mà chẳng gọi là Phương tiện, tất cả Niết-bàn tuy là Tánh tịnh mà chẳng gọi là Tánh tịnh.

Nói về Nhiếp tướng thì: Tánh tịnh và Phương tiện đều gọi là Bồ-

đề, đều xưng là Niết-bàn.

Điều gọi là Bồ-đề: Như trong Kim cang Bát Nhã nói, nên trong chánh văn kia nói bản tánh nay hiển bày, nói về vắng lặng nên gọi là Tánh tịnh Bồ-đề. Tu sinh công đức, nói về hiện gọi là Phương tiện Bồ-đề. Vì hai thứ đều là Bồ-đề nên phải dùng Tánh tịnh và Phương tiện để phân biệt.

Hỏi: Phương tiện tu sinh công đức là đưa người tu đến quả, thì có nghĩa Đạo để gọi là Bồ-đề: Đức của tánh tịnh không có nghĩa như thế, sao cũng gọi là Bồ-đề?

Đáp: Có ba nghĩa:

- Quả do Đạo mà rõ: Quả đặt tên theo nhân nên gọi là Đạo, vì đạo nên gọi Bồ-đề.

- Thể của Đạo: Gom thể về đức nên gọi là Bồ-đề.

- Đức của tánh tịnh: Thể chung không ngăn ngại, tức là nghĩa Đạo, nên gọi là Bồ-đề.

(2) Tánh tịnh phương tiện đều là Niết-bàn như Địa Luận nói, Trong kinh Niết-bàn cũng có tướng này. Trong kinh ấy, quả Tánh tịnh gọi là Thường, quả báo phương tiện gọi là Tánh. Phật tự nói rằng: Nếu người tu được hai chữ Thường trụ này làm diệt tướng, ta cho là người đó được là Bát-niết-bàn. Vì tướng diệt tiếng Phạm gọi là Tướng Niết-bàn: Tu hai chữ Thường trụ làm tướng Diệt tức cũng là tướng Niết-bàn. Nên biết hai loại đều là Niết-bàn.

Vì hai loại đều là Niết-bàn nên phải dùng Tánh tịnh và Phương tiện để phân biệt.

Hỏi: Tánh tịnh Pháp tánh thể vắng lặng được gọi là Niết-bàn, phương tiện công đức thu nhiếp về Đạo Đốc, khởi tu thì chẳng còn lạng lẽ, vì sao được gọi là Niết-bàn?

Đáp: Có ba nghĩa:

Nhân của Tánh tịnh Niết-bàn: Nhân gọi tên theo quả, nên gọi là Niết-bàn.

Đức của Niết-bàn: Vì gom đức về Thể nên gọi Niết-bàn.

Tu khởi công đức cũng có nghĩa là tướng vắng lặng nên gọi là Niết-bàn.

Vì chia thông nên Thể của Tánh tịnh Bồ-đề tức là Tánh tịnh Niết-bàn, Đệ nhất nghĩa đế vừa gọi là Bồ-đề, vừa gọi là Niết-bàn. Thể phương tiện Bồ-đề tức là Phương tiện Niết-bàn, tu báo thường mà được Diệt tướng.

Bồ-đề Niết-bàn là một hay khác là như thế. Đức Bồ-đề thể tánh

sâu xa, nghĩa rộng, khó suy xét cùng tột. Theo lời để so sánh phân biệt sơ như thế.

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG QUYỂN 18